

Phụ nữ

Tân Văn

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N^o A 3126

PERMISSE DE
METTRE EN
CIRCULATION

3000
22 Mars

Số này có bài :

- ☒ Cuộc Phong-văn Bà Trần-vân-Độc.
- ☒ Nửa giờ nói chuyện với mọi Dalat.
- ☒ Tinh cảm của Dân-bà trên nét chữ...
- ☒ Phê - Bình Tư - Tưởng.
- ☒ Phản - đối ý - kiến Hoàng - Tăng - Bi.
- ☒ Salon của Nữ-Sĩ Chi-Hương

== 0^s10 ==
NĂM THỨ SAU
ngày 22 Mars 1934
== 235 ==

VIỆT-NAM NGÂN-HÀNG

CÔNG-TY HỮU-HẠN VỐN 250.000 HỒNG BẠC

Hội-quán : 54-56, đường Pellerin. SAIGON

R. C SAIGON N° 61
Dây thép số : 748

Tên dây thép :
CREDITANA - SAIGON

— Công-ty nhận tiền **TIẾT-KIỆM** của bà tành, gởi sanh lời 4 ly mỗi năm, sáu tháng tính một lần và nhập vô vốn mà sanh lời nữa. Tiền này muốn rút ra chừng nào cũng được.

— Công-ty cho vay thế chun về Quốc-trái Đông-Pháp, Crédit National và những vé phiếu nào mà Chánh phủ Pháp hay là Đông-Pháp phát hành hay là chịu bảo chứng. (Về công chuyện khác, xin hỏi thăm bản Hội).

Bản Hội có mua bèn Pháp hợp Tiết kiệm tốt đẹp bằng sắt mà kên, để cho bà tành mượn dùng. Xin quý vị hãy đến Hội-quan hay là viết thư mà hỏi cách thức mượn hợp Tiết kiệm ấy.

Tôn chỉ của bản Hội : **LÀM VẺ-VANG CHO XỨ SỞ MINH**

BAN TRI-SỰ DANH-DỰ VÀ CỐ-VĂN :

Chánh Hội-trưởng: Mr. HUYNH-ĐÌNH-KHIÊM
(ngài đã từ lợc)

Phó Hội-trưởng: TRAN-TRINH-TRACH, O **HB**
Hội-đồng Hội-Nghị-Tư, Băclieu.
(được bầu cử chiếu theo điều thứ 24 trong Điều-lệ).

Hội-viên :
• Dr. BIAILLE DE LANGIBAU-DIERE, Xã-Tây, Saigon
• Mr. LE-PHAT-AN Denis, Nghiệp-chủ, Thuduc.
• Mr. LUU-VAN-LANG, **HB**
Quan Kỹ-sư, Saigon.
• Mr. NGUYEN-THANH-LIEM.
Thư-nghiệp-gia, Saigon.
• Dr. NGUYEN-VAN-THINH, Sgon
• Dr. TRAN-VAN-DON, Saigon.
• Me TRINH-ĐÌNH-THAO,
Trang-sư, Saigon.

BAN TRI-SỰ VÀ QUẢN-LY :

Chánh Hội-trưởng: Mr. TRƯƠNG-VAN-VI, **HB**
Đốc Phủ-sứ Hàm ở Cbaudoc

Phó Hội-trưởng: Dr. TRAN-NHU-LAN, Hội-đồng Quân-hạt, Saigon.

Quản-ly Hành-sư: Mr. NGUYEN-TAN-VAN,
Nghiệp-chủ Saigon.

Hội-viên : Mr. BUI-QUANG-CHI, Lương-y bôn-quốc, Cholon.

• Mr. NGUYEN-HUU-ĐO,
Nghiệp-chủ, Gocong.

• Mr. NGUYEN-VAN-LIEN,
Bảo-chế-sư, Saigon.

• Mr. J. B. NGUYEN-TRUNG-VINH, Nghiệp-chủ, Saigon

• Mr. THAI-VAN-LAN Alexis,
Kỹ-sư, Saigon.

Pháp-định Tổng-ly: Mr. Paul LE-VAN-GONG.

PHỤ-NỮ

NĂM THỨ SÁU, SỐ 285

Ngày 22 Mars 1934

TÂN-VĂN

Chủ-nhơn :
M^{me} NGUYỄN ĐỨC NHUẬN

Phong-trào « theo mới »



Đã đây, trong Nam ngoài Bắc nổi lên một cái phong trào, mà các báo ở Hà-nội gọi là phong trào « theo mới ».

Người ta reo mừng rằng dân-bà Annam đã vấu-minh, vì có người mới, mới cho đến đời biết đi chơi plage, đi nhà khiêu-vũ, ngồi nhấm rượu khai-vị ở các hiệu café. Họ cũng đã biết dùng các lối y-phục sạch-sở, để làm cho bọn dân-ông thêm thêm họ.

Nhiều bạn đọc-giả muốn biết ý-kiến của Phụ-Nữ Tân-Văn đối với « phong-trào theo mới » này ra thế nào, vì thế mà chúng tôi mới đem cái đề-mục này ra bàn đề làm bài xã-luận.

Trước hết, ta hãy nhận cho kỹ thì ta sẽ thấy rằng phụ-nữ « theo mới » trong sự chơi-bời và xa-hoa chỉ là một số người rất ít, thuộc về phái vợ con của hạng tư-bần và qui-lộc mà thôi.

Còn hầu hết dân-bà Annam đều lam-lủ khổ-cực, không có thì-giờ và cũng không có phương-thế nào để lo tô-nhồi phấn sáp, và đi học nhảy đầm cả.

Như vậy thì câu chuyện theo mới này chỉ là câu chuyện của một phái phong-lưu chớ không phải là câu chuyện có quan-hệ đến toàn-thể phụ-nữ.

Nhận đều đó rồi, tức là biết Phụ-Nữ-Tân-Văn chúng tôi không tán-thành cái ngọn sóng đổi-phong bại-lục ở giữa một số ít dân-bà đài-các phong-lưu. Chúng tôi không có lẽ gì mà biểu-dương sự chơi-bời xa-xỉ của một thiểu-số sung-sương trong buổi khùng-hoàng như ngày nay; không phải là chúng tôi có ác-cảm với mọi kẻ vui cười, song chúng tôi có chú-ý đến sự vui chơi đi nữa, thì chúng tôi cũng chỉ chú-ý đến sự vui chơi của nhất ban phụ-nữ, thứ nhứt là của đám người dân-bà lao-công.

Ngày nay, trong bọn tán-thành cuộc vận-dộng của phụ-nữ, vẫn còn có người hiểu lầm cho nên nhận rằng phong-trào « theo mới » của bọn đài-các

có lợi cho cuộc vận-dộng nữ-quyền. Thấy vài người đàn-bà kiêu-xa dám-dặt được thỏa chí chơi-bời giống như bọn gái-các hiệu-dâm ở xã-hội tư-bản bên Âu, lắm người thiếu-niên lại quá lắm mà cho rằng phụ-nữ đã được giải-phóng!

Kỳ thiệt, bao nhiêu phụ-nữ đương phấn-dấu đề đòi-hỏi sinh-tồn-quyền không dự vào mây-may nào trong các cuộc chơi bời nói trên kia, mà lại còn tỏ ý khi-thị nữa. Vì họ đâu tắt mặt lối suốt đời mà vẫn thiếu trước hụt sau, họ không thể nào trông thấy kẻ khác chơi bời mà vui lòng dặng.

Cái mới, có đều đáng chuộng, đáng quý cho đàn-bà, là sự phấn-dấu cho có phương-pháp, vì quyền-lợi sinh-tồn của đa-số mà chịu hy-sinh. Ấy, « mới » như thế mới thật là đáng chào mừng.

Còn như bao nhiêu sự vui chơi của một số người ích-kỹ, thì nó chỉ là cái diêm rắng: trong xã-hội có một mớ đàn bà nhờ chồng con, hay là nhờ chính mình lợi-dụng kẻ khác mà được phong-lưu, chớ có ý-nghĩa gì khác nữa đâu mà chúng tôi là kẻ bình vạc cái phụ-nữ chủ-nghĩa phải đi hoan-hò và tán-thành?

Phụ nữ tân văn

CUỘC ĐÒI VỚI Ý TÔI



Các tin-tức mà sở-diễn-tín A rip gửi cho các báo trong tuần lễ vừa qua vẫn là rất nhiều và cũng như các tuần-lễ khác.

Nào là nghị-viên Outrey yêu-cầu cho Đông-Dương được mở một cuộc công-thải; nào là hội Quốc-liên bày ra cuộc điều tra về nạn mại-dâm, vân-vân. Nhưng vậy mà, câu chuyện làm cho công-chúng ở xứ ta phải chú ý nhất vẫn là câu chuyện lừng-gạt ở tiệm cầm đồ thành Bayonne.

Các báo bên Pháp mới sang đều có đăng rõ mọi việc xảy ra ngày 6 Février vừa rồi. Đã lâu nay, chưa có lần nào dân-chúng ở Paris biểu-tình dữ-dội, và cảnh-binh phải đàn áp người nhiều như hôm chiều mồng 6 tháng hai vừa rồi.

Dưới trời Âu-châu hiện thời, chỉ có một mình nước Pháp là nạn kinh-tế khủng-hoảng còn để cho việc chánh-trị được hơi bình-yên mà thôi. Người ta hay gọi nước Pháp là một nước dân chủ (tư-bản) hoàn toàn nhất. Ở đó, hạng nhà giàu tháng bọn phong-kiến trước nhất (1789), chế-độ đại-nghị và tự-do ngôn-luận (tư-bản) được coi như là « kiêu mẫu » của toàn thể thế-giới tư-bản.

Ấy vậy mà hiện thời, thợ thuyền Pháp có cái khẩu hiệu « lập số viết », còn bọn báo thủ thì đòi lập « quốc gia cường tráng », bãi bỏ nghị-viện, đó

thiệt là một cái tình trạng, mà người dân Annam nên hết sức chú ý.

Cảnh sát đầu ?

Xung quanh chợ mới, ở hàng ba các phố buôn bán, và như là đường Bonard gần Trường Tiền có một quang cảnh rất lạ.

Một bọn người, kẻ thì bày ra ảnh mấy cái bàn tay có biên chữ Tàu, kẻ thì treo bình bác-quái cũng đầy chữ Tàu, kiếm ăn về nghề coi chi tay. Trong thời kỳ khủng hoảng này, các nghề có ích đều sa sút, còn bọn mua lưỡi kiếm ăn lại thấy đông thêm, tức như bọn truyền bá sự mê-tin nói trên đây.

Họ nói trên trời dưới đất tháng nào khá, tháng nào đau, năm nào có chông, năm nào có vợ, như vậy rồi thì lượm tiền bỏ túi, gieo cái mầm mê-tin trong óc người lao động.

Nghề « nói dốt » này là một nghề gian lận, cảnh sát phải đuổi cổ cả bọn ấy đi kéo dề hại cho nhân dân nhiều lắm.

Phụ-nữ Tân-Văn được hoan-nghênh

Số báo Phụ-nữ Tân-văn ra kỳ trước được công-chúng hoan-nghênh lắm!

Nhơn dịp Tết, bọn-báo nghị đề chấn-chỉnh lại thì anh em và chị em trong nước rất đề ý trông mong, thơ từ hỏi thăm ngày một. Nay báo đã tục-bản làm cho công-chúng đều hả dạ.

Vậy anh em và chị em hãy tán thành và cổ-dộng cho cơ quan của mình đi!



« Chủ-nghĩa ăn-chay »

Một tờ báo hàng ngày kia nói rằng ăn chay là một cái chủ-nghĩa và hiện nay chủ-nghĩa ấy rất thịnh hành ở Âu-châu. Như vậy là tờ báo ấy muốn cổ-dộng cho người mình ăn chay. Sự cổ-dộng ấy có nghĩa gì?

Ái cũng biết rằng dân Annam vì nghèo khổ quá mà phần nhiều không có cá thịt để ăn, chỉ ăn cơm với nước mắm.

Chúng tộc Annam vì thế mà rất yếu hèn.

Nếu bảo rằng ở Âu châu rất thịnh hành việc ăn chay, sao không nói luôn rằng ở Âu-châu, người ta không nuôi heo, bỏ các con thú để ăn thịt nữa? Sao không nói rằng bọn làm nghề chăn nuôi để bán thịt ở Âu châu đều đã thất-nghiệp?

Chúng tôi tưởng rằng dân xứ ta vì khổ mà phải ăn chay! Ta không nên cổ-dộng lối ăn ấy, là lối rất hại cho cơ thể con người.

Nếu một cái tạp chí nào của đạo Cao-Đài, hay là tiệm cơm chay nào mà cổ-dộng sự ăn chay thì chúng tôi còn nghe được!

Đến như các ngài ăn mặn mà cũng cổ-dộng cho người ta ăn chay đề cầu phước thì lạ thật!

Quang-cảnh Saigon Cholon ngày nay

Cholon mất hẳn về hoạt-dộng đã lâu rồi; không còn ai nhớ đến cái danh cũ của nó là « bất-dạ-thành » đã hơn hai năm nay!

Bây giờ tới lượt Saigon! A louer, á louer, các bản cho mượn nhà thấy treo khắp các phố! Phần nhiều các bản ấy đều có tên tắt của các hội tài-chánh to như Crédit foncier, Société immobilière, vân vân.

Khủng hoảng như vậy, mà phố ở Saigon vẫn cho mượn đất: thành ra người mượn phố trả không nổi phải dẹp tiệm; còn những người ở lại phần nhiều thiếu nợ phố từ ba tháng trở lên.

Hết thấy các chi ngành hoạt-dộng ở Saigon đều đình-trệ, cho đến các nhà khiêu-vũ cũng lần lượt đóng cửa.

Quang-cảnh rất là buồn!

PHU NU TAN VAN

Ở Nam-kỳ của đầu mà tích ?

Một bạn đồng nghiệp Pháp vừa rời tỉnh rằng năm 1933 xứ Nam-kỳ đã xuất cảng được 1.220.983 tấn gạo, nghĩa là độ chừng 1.831.482 tấn lúa hay là 27 triệu tạ. Bạn đồng nghiệp ấy tính rằng mỗi tạ lấy giá trung bình là một đồng bạc, thì ở Nam kỳ chúng ta đã thu



được 27 triệu bạc. Thuế điền thì nộp chừng ba đồng một mẫu tây. Điền tích ruộng cấy được, hãy cho chừng 2 triệu mẫu, vậy là số thuế thu vào mỗi năm sáu triệu bạc. Bạn đồng nghiệp Pháp ấy hỏi còn 2 triệu bạc dư, dùng làm gì ?

Một bạn đồng nghiệp « Pháp Việt » ở Hà Nội có phụ họa theo bạn đồng nghiệp này mà chỉ trích:

« Trong Nam người ta làm như cách những người nhện tất cả mọi thứ, người tay gậy cầm nhưng đã có của để dành; nếu ai có hỏi tích của để làm gì, có lẽ người ta sẽ đáp tích của để dành sau khi chết. Đó mới thật là một lối tự tử điển cuồng. »

Cái này mới thiệt là « bé cái nhảm » !

Ở Nam kỳ lòng này tiền bạc đầu mà tích ? Sao không chịu suy nghĩ kỹ một chút. Với số bạc dư là 21 triệu đồng mà ông bạn đồng nghiệp Pháp đã tính phông ra đó, — nếu có dư thiệt, — thì dân Nam kỳ hiền đừng tiêu, đừng đóng thuế thân, đừng trả cho tá điền, đừng trả nợ nhà Bàng, nợ chà, đừng có dự bị làm mùa tới sao ?

Có lẽ nào thấu được một số bạc

21 triệu đồng, mà không xuất ra đồng nào được ?

Bạn đồng nghiệp có biết dân Nam kỳ này mẹ nợ bao nhiêu không ?

Nếu đã có của dư thì làm sao lại mắc nợ để cho người ta tích biên, phát mãi ?

Chúng tôi chưa thấy ai có tiền của đem tích, để ngồi ngó chủ nợ « tời hành » nhà cửa ruộng đất của mình bao giờ !!!

Lầm lộn như thế mới là « một lối tự tử điển cuồng ».

Trở lại câu chuyện Nam với Trung Bắc

Trước đây nghe phong phanh rằng ở Saigon có một nhà làm báo định tổ chức một tòa soạn chỉ gồm có người Nam kỳ mà thôi.

P. N. T. V. chúng tôi thấy câu chuyện lạ lùng, do bộ óc muốn chia rẽ của một nhà làm báo tức là một người tự phụ làm hướng đạo cho dân, liền phản đối ngay cái « sáng kiến » kỳ khôi ấy.

Câu chuyện yên đi một lúc, thì đến nay nó lại thành ra sự thực : Trong làng báo Nam kỳ đã có một tòa soạn gồm toàn là người Nam kỳ giúp việc.

Hay tin này, chúng tôi suy nghĩ mà không khỏi ngậm ngùi cho cái quan niệm lạ lùng của một số người gọi là thượng lưu trí thức.

Hạng người ấy, một là vì mang bộ óc địa phương (régionalisme) hai là vì vâng lời một « thế lực »



nào nên đem chuyện « Trung, Nam Bắc » ra để mong chia rẽ tinh thần của một chủng-tộc.

Chúng ta phải biết nhận rằng chẳng những là Trung-Nam-Bắc mà đầu người xứ nào nước nào đi nữa đã kêu là người thì tức là đồng-loại của ta, và đã cùng chung một giai-cấp, đồng một cảnh-ngộ với ta, thì ta phải nắm tay hiệp thành



đoàn-thể đặng bình-tực quyền-lợi chung.

Chúng ta đừng vì những tiếng thiết-tha những lời êm-ái của bọn người ấy mà chia lực-lượng ra, trái lại ta nên biểu lộ chỗ đượ-ấm của bọn ấy đặng phòng-ngừa trước.

Chung quanh quyền hành-chánh

Từ cổ chí kim, chung-quanh quyền hành-chánh, bao giờ cũng có những cuộc vận-dộng ngầm, những mưu-mô xảo trá để đánh-đổ kẻ nghịch mà giành quyền cho mình. Thế mà các nhà cầm-quyền, lúc nào cũng thấy thua vì nhiệm-vụ khó khăn...

Một văn-sĩ Pháp, thấy đơn-tình mà nực cười, mới ngụ-ý đặt ra một câu chuyện. Ông ta kể :

— Tôi có hai đứa cháu : Jean 6 tuổi và François 4 tuổi. Một hôm tình cờ tôi nghe hai đứa đang nói chuyện với nhau : thằng Jean thì đang óm đĩa bánh sữa mà ăn. François chạy tới đòi : « cho tao ăn với ». Nhưng Jean giấu đĩa bánh ra sau lưng, trả lời : « Không ! bánh dở lắm, mày ăn làm gì ? » Jean vừa nói vừa bốc bánh trong đĩa « lùm » cho kỹ hết mới thôi...

Cuộc đời là thế !

SỰ HỌC VÀ VIỆC LÀM CỦA PHỤ-NỮ

II

Các chị em thông-minh, các chị em có học nhiều hay là ít cũng có thể giúp đỡ chỉ bảo cho kẻ khác hết. Chúng ta là thầy cho kẻ thấp hơn ta và học trò của các bậc anh chị, học cao thấy rộng hơn ta. Nhưng đầu làm thầy hay là làm học trò thì cũng phải có một thái độ nhã-nhận: chỉ bảo một cách vui vẻ tử-tế, hỏi han nhâm lúc (đừng làm rộn người ta).

Mỗi người trong xã-hội đều có hai phận-sự ấy : làm thầy và làm học trò, vì bao giờ chung quanh ta cũng có kẻ dở và người hay hơn ta. Làm học trò là học hỏi kẻ khác, sự này có ích riêng cho mình. Rồi làm thầy là lấy cái biết của mình mà dạy người dở hơn mình. Như vậy là tuân theo luật cung-cầu của xã-hội, như vậy mới đáng sống trong xã-hội. Có nhiều người muốn làm thầy chứ không muốn làm học trò. Có hai lẽ : 1— vì tự-kiêu, không chịu hỏi nhờ kẻ khác, điều gì mà mình không biết.

2— Vì không dám làm rộn kẻ khác, muốn hỏi mà rồi làm thình.

Nếu vì tự-kiêu mà chẳng học-hỏi thì là một tánh xấu, nên sửa bỏ đi. Nếu vì nhút-nhát thì là một cái yếu dở, phải tập cho dạn.

Có nhiều người trái lại, muốn học-hỏi mà không muốn chỉ bảo ai giống gì hết. Cũng có hai lẽ :

1— Vì làm biếng. Ai hỏi thăm chuyện gì thì nói : « Tôi không biết » cho gọn. Trong cái làm biếng này cũng có chút ích-kỹ, chẳng muốn kẻ khác biết những điều mình biết.

2— Vì đợi người ta hỏi đến mình và ngại tiếng « làm khờ ».

Nếu vì làm biếng mà làm thình thì không đáng học hỏi với kẻ khác. Tôi muốn người ta dạy chỉ tôi điều ấy mà rồi khi một bạn làm như tôi, mượn tôi chỉ bảo việc kia, tôi chẳng khứng thì ra tôi ích-kỹ lắm ? ?

Còn nếu vì ngại, hay là quá khiêm-tốn, thành ra không sẵn lòng. Tôi biết một người kia cần dùng đến tôi và muốn hỏi tôi chỉ bảo một việc. Tôi cũng muốn giúp va nhưng tôi đợi và hỏi. Va cũng ngại thành ra làm thình. Như thế kỳ, tôi không có lòng nhơn. Người ta nhiều khi phải « làm khờ » mà giúp kẻ khác, những kẻ yếu chẳng dám kêu tới mình....

Bây giờ, nếu chị em muốn dạn hỏi thăm về học hỏi và nhiệt-thành chỉ-bảo cho kẻ dở hơn mình,

thì phải tập có nhiều tánh đặc-biệt này. (Sự học không phải ở trong phạm-vi nhà trường mà thôi, người ta nhờ đọc sách, đọc báo, giao-thiệp, du-lịch mà này - nở trí - khôn nhiều). Trước nhất phải có tánh bất-thiệp. Bất-thiệp là có óc thiết-thực xét-đoán và làm mau. (Theo chữ Pháp, bất-thiệp trôm-trôm với chữ *pratique*). Tánh này tập được.

Phần đông phụ nữ hay mơ-mộng, lãng-mạn hơn là thiết-thật, bất-thiệp. Biết rằng tâm-hồn của đàn-bà thì thiên về tình-cảm hơn lý-tánh. Nhưng tâm-hồn của mình cũng như thân trong trường, tập làm văn (quốc ngữ hay là pháp-văn) mà gặp đề cho tả cảnh, tả tình thì ưa hơn là luận một cách-ngôn, viết một bài kỹ-thuật văn-văn... Rồi cứ ưa môn nào làm môn đó, ghét hẳn các thứ khác, chẳng chú-y, chẳng cố gắng mà làm hết phận-sự. Đến chừng đi thi, người ta cho hai đề. Một cái biểu tả cảnh hay là tả tình gì đó, một cái bảo làm một bài thuật vụ rùi ro xe hơi, hay là làm lời khai lên bót văn-văn... Thi trong 90 nữ-học-sanh, nhiều lắm chừng 10 người lựa cái đề sau. Tại làm sao nói chuyện tình-cảm, cảm-giác thì nói được, mà thuật chuyện thiết-thực, văn-tất, rành-rẽ thì chẳng được? Có phải tại chị em ghét sự hiện-nhiên mà lại ưa văn-chương không? Nếu tả tình tả cảnh được thì cũng thuật chuyện thật được. Đi học không phải ra thi học còn ghét thì bỏ mất một phía tri-khôn của mình. Rồi lớn lên, ra đời, không phải do tình-cảm mà xét-đoán và hành-dộng. Có tình cảm phải có lý-tánh nữa.

Nhiều chị em học cao, tả cảnh mặt trời lặn, mặt trăng mọc, thì hay thật là hay, rồi có cần dùng đến chị em, cậy làm một lá đơn xin chỗ làm, một tờ khai mất đồ, một bức thơ đòi nợ, thì chị em thối-thác, chẳng giúp được. Vậy là không có *pratique*, không bất-thiệp. Cái học của mình chẳng dùng vào đâu.

Khi ra đời, có gia-đình, trăm việc gì khó tính chỉ nhờ chớng, nếu ở một cảnh có-độc thì bối-rối, chần-chừ trong mọi việc.

Chị em ơi, nếu không có óc thiết-thật, có trí bất-thiệp rồi khi đời quyền-lợi của mình, đứng lên vận-dộng, có biết mình định làm gì đây, đòi những quyền gì đây ??

NGUYỄN-THỊ-KIỆM

(Còn nữa).

NƯỚC PHÁP VỚI SỰ GIÁO-DỤC TỪ HỒI CÁCH-MẠNG TỚI NAY

Ai cũng biết sự học ngày nay là cần. Như một nước muốn trỗi-độ ngày tăng, trước hết phải lưu-ý đến vấn-đề giáo dục. Nếu không, theo lẽ ở đời-khỏe được yếu thua, dân-tộc ấy sẽ chỉ là một giống dã-man mọi-rợ.

Đã thế, muốn rõ một nước văn-minh hay mọi-rợ, ta có thể xét xem trình-độ tri-thức nước ấy, nghĩa là về mặt giáo dục của dân mà biết được.

Dân là cội rễ của một nước. Muốn cho cây là ngày một xanh tốt, rườm-rà, người coi vườn phải năng bón tưới cho gốc rễ. Muốn cho nước ngày một mạnh và giàu, người cầm quyền cũng như người coi vườn, phải lo giáo dục cho dân.

Bài này mục-đích là giữ lại lịch-sử nước Pháp—một nước văn học có tiếng mà hiện-thời nước ta đang chịu bão-hộ—để xem qua sự giáo dục từ trước một thế-kỷ tới nay.

Cải chế-độ giáo dục của nước Pháp là có từ hồi cách-mạng. Bắt đầu năm 1790, trong Hiến-pháp có qui-định phép công-cộng giáo dục. Phạm là dân trong nước, bất cứ sang hay hèn, giàu hay nghèo, ai cũng được tới công-học-đường học-tập. Về những phần cốt-yếu, dân không những không phải nộp học-phi mà còn được nhà nước hoặc tư-cấp, hoặc khích-lệ cho nữa. Hồi ấy, sự học của dân còn bỡ ngỡ mới nên mới đặt ra có trường Sơ-dã và Trung-dã. — Bốn năm sau, việc học thấy có tiến-bộ. Một phần đông dân trong nước đã xu-hướng về sự học, đã biết sự học là cần và lợi. Dân hồi ấy đã hiểu rằng « học » là các lợi-khí mạnh, cần phải có, tuy chưa hiểu và định đến bậc nào, nhưng họ đã tỏ ra rằng trên bước đầu mới mở, họ vui mà tiến-Tiến một cách bởi lòng quá-quyết và hăm-mộ Nhà nước mới định cái chế-độ Cao-dã giáo dục mà đặt ra có các trường khoa-học chuyên-môn, trường Sư-phạm, trường Võ-bị và trường Công-ngệ.

Đến vua Nã-phá-luân (Napoléon), quyền giáo dục thu cả về trung-ương chánh-phủ. Năm 1811, vua Nã-phá-luân lập trường Đại-học. Việc giáo dục của toàn-quốc chịu quyền hoàng-đế quản-đốc cả. Từ ban trung-dã trở lên, thấy càng ngày càng phát đạt. Sự tiến-bộ không ngờ ấy, khiến tư-bậc trung-dã không đủ chỗ cho dân học nữa. Các

trường Đại-học phải lập thêm nhiều, và bắt đầu định-lệ từng ban như: văn-học, lý-học, pháp-luật-học, y-học, thần-học.

Lúc ấy, các trường Tiểu-học còn về tay giáo-hội. Sự học còn nhiều sự khiếm-khuyết, hoặc về cách sắp-đặt, hoặc về phần tài-chánh. Nhà nước phải hỗ-trợ và giúp đỡ cho; đến năm 1833 mới định mỗi một huyện đặt một trường tiểu-học, mỗi một tỉnh từ 6 ngàn dân-cư trở lên một trường cao-dã tiểu-học.

Việc gì cũng thế, có khuyến-khích tương-lệ cũng thấy có kết-quả tiến-bộ ngay. Những dân quê, trước chỉ biết việc cày-cấy, trồng-trọt làm đầu, bấy giờ cũng xu-hướng về sự học một cách sốt-sắng rồi. Năm 1867, sự giáo dục phổ thông ở chốn dân quê có nhiều ảnh-hưởng tốt, nhà nước liền thông-lệnh bắt các huyện làm bản dự-thảo về sự giáo dục và định mở thêm các trường Tiểu-học ở các huyện.

Vấn-đề giáo dục nữ-lưu lúc ấy mới thấy nhích bước. Mỗi chỗ có từ 500 dân-cư trở lên phải mở một trường học con gái. Đồng-thời, lại lập ra học hiệu đồ-thư-quán và mở thêm nhiều trường Cao-dã tiểu-học.

Năm 1881, định giáo dục sơ-dã là giáo dục miễn-phi. Cho tới năm 1886, nước Pháp muốn sự học đượ: phổ-thông khắp trong nước, liền đặt ra luật giáo dục cưỡng-bách. — Lệnh giáo dục cưỡng-bách ban-bỏ ra, dân Pháp thấy có một cuộc tiến-bộ lạ-lùng. Cuộc cách-mạng về hình-thức lần tinh-thần ấy, nước Pháp cứ theo mãi mà đi; cho tới ngày nay, thêm nhiều sự thay đổi, ta thấy sự giáo dục ở nước Pháp phổ-cập là dường nào!

Xem qua đây, ta thấy rõ nước Pháp sở-dĩ là nước Pháp ngày nay cũng nhờ ở sự giáo dục của dân. Dân khôn thì nước thanh, cái ấy là lẽ tất-nhiên. Nếu không thế, mà trái lại, thì như trên tôi đã nói: theo luật đào-thải, sẽ tiêu-diệt đi lần. —

Nguyễn - Bích - Sơn.

Chớ quên

Đấu TÙ - BI

NÓI CHUYỆN VỚI BÀ TRẦN - VĂN - ĐỐC

— Thưa bà, còn khi có chồng, người đàn bà phải tuân quyền chồng không?

— Cuộc hôn-nhơn là một việc quan-trọng cho cả hai. Hợp hai người lại để mà ở gần với nhau trọn đời, thì người này phải vì người kia mà chia sẻ hết, từ cái vui cái buồn cho đến cái quyền-lợi. Người đàn-ông không muốn cho đàn-bà tham-gia vào việc làm ăn, hay sự hành-động gì khác của mình là khi-thị và vụng-tính. Khi-thị đàn-bà là vì cười về chỉ để để con và giữ con, còn xuất-phát liệu định điều gì cũng về đàn-ông. Còn vụng-tính là vì gồm hết sự cực-trí gánh nặng về cho mình. Rồi vì vậy, có người chồng lo làm ăn, lo chạy tảo chạy tần, có khi quên phứt rằng mình có một người vợ ở gần mình. Tôi tưởng đàn-ông ai cũng muốn vợ giúp đỡ cho mình, nhưng chỉ tại đàn-bà dờ dờ rồi họ không muốn trao gánh mà thôi.

— Thưa bà, đó là một thiên-kiến. Đàn-bà dờ là tại từ nhỏ chịu ảnh-hưởng của mọi người, chẳng ai cho họ có dịp hành-động theo ý muốn của họ hết. Cái trước nó hại cái sau là vậy. Bấy giờ về với chồng mà dờ thì chồng phải tập vợ chớ! Nếu cho rằng dờ mà bỏ lương thì còn cái hại thứ ba nữa, là rui sau khi chồng mất, chẳng biết tìm sao dạy con, nuôi con. Mình biết cái gốc bệnh thì phải chữa nơi đó. Bằng không chữa nơi đó được thì chặn nó đi, để thì lâu thì nguy lắm!...

Biết bao nhiêu gia-đình đư-đã mà khi chồng qua đời phải điêu-tàn, vì vợ chẳng thể chồng được mọi việc. Thế không được vì không có quyền, và không quen, không biết trách-nhiệm lớn-lao của mình... Thưa bà, bây giờ đối với vấn-đề thủ-tiết thờ chồng, bà nghĩ làm sao?

— Sự đó không có luật pháp chung được. Nên do tình-cảm của mình mà làm. Đời xưa, tiết-phu, liệt-nữ vì thương chồng, thương con mà phải thủ-tiết thờ chồng, nuôi con. Nhưng họ cũng vì thương họ nữa, vì tiếng khen, ân vua ban thưởng, và vì sợ người đời chê khinh. Đời bây giờ, người đàn-bà góa-bụa phải hỏi mình phải nổi tóc với kẻ khác, hay là ở vậy mà thờ chồng? Nuôi con không được thì tất-nhiên phải nhờ cậy nơi người bạn mới. Nếu vì thương chồng thương con mà thủ-tiết thì chẳng hại, chớ bằng nếu vì người đời mà hy-sanh-gượng,

..... Bà Trần-văn-Đốc tiếp tôi trong phòng đang lúc bà dọn dẹp xáo vẫn buổi sớm mai. Hai đứa em bé tròn-trịa ngộ-ngĩnh chơi gần mẹ. Căn phòng thoáng-bình ở bên kia có tiếng con nít nhỏ khóc. Ông đốc-tơ Trần-văn-Đốc đang săn sóc cho trẻ em... Tôi lấy làm thích mà nghe người thiếu phụ tươi xinh, vui vẻ nói chuyện.

— Thưa bà, bà tưởng cái thuyết tam-tùng ngày nay còn phải giữ nữa không? Nó còn hợp với đời bây giờ không?

— Thuyết tam-tùng và như các hủ-tục khác, đã không hợp với đời bây giờ mà thôi, xưa nay mấy thứ đó lại còn làm hèn người đàn bà lắm.

— Như vậy, theo ý bà, khi còn ở với cha mẹ, con gái khỏi phải tuân quyền của cha mẹ phải chăng? Xin lỗi Bà, khi trước, ở vào địa-vị thiếu-nữ, bà có được tự-do hành-động không?

— Hồi đó, cha mẹ tôi để cho tôi thông thả lắm. Nhờ vậy, tôi học khôn nhiều. Tôi tưởng làm bực cha mẹ chẳng nên ép con theo tư-tưởng của mình, bó buộc phải làm theo ý muốn của mình. Phải để cho trẻ nhỏ, con gái cũng như con trai, có một ý-kiến riêng của nó, ngay từ khi nhỏ. Nên chỉ bảo chớ chẳng nên bắt buộc. Nếu muốn con gái tuân theo mình, làm như mình thì phải theo ở một bên má. Vì sao? Con trẻ đã chịu ảnh hưởng của người nào rồi, mà xa người ấy thì nó không biết phải làm gì nữa, bơ-vơ lúng-túng. Đã chịu ảnh hưởng một lần, thì sau này nó dễ chịu ảnh hưởng của kẻ khác nữa, nhưng mấy người sau này làm sao mà bị với cha mẹ được? Mà cha mẹ thì không thể đi theo bên con hoài. Như vậy, từ lúc bé thơ, phải để con trẻ tự-do hành-động, tự-do tư-tưởng cho chúng nó có một phẩm-cách riêng rồi tự-nhiên nó thấy cái trách-nhiệm của nó mà dè-dặt. Chớ có coi, con gái ở với cha mẹ, làm gì cũng do theo ý cha mẹ rồi giống như bở nhin, xảy ra chuyện khổ não thì nó cũng đổ lỗi cho cha mẹ, làm gì bây cũng đổ cho cha mẹ. Vì không có quyền, nó không biết trách-nhiệm là gì.

PHU NU TAN VAN

Sự kỳ là một cái thiệt - thòi mà cái hy-sanh kia mất cái giá-trị đi. Sự hy-sanh do theo mình muốn thì mới đáng gọi là hy-sanh.

— Tôi tiếc chẳng có chị em đến đây đóng đề nghe bà nói những câu có lý như thế này... Bây giờ chúng ta xoay qua vấn đề khác... Bà nghĩ làm sao đối với chế độ đa-thê?

— Tôi phản-kháng nó như là về cái hại cho ái-tình. Hai vợ chồng nếu thương nhau thì chẳng bao giờ chồng hay là vợ muốn sang sót cái ái-tình của mình cho ai hết. Nếu người chồng muốn cưới vợ bé thì nghĩa là đã hết thương vợ rồi. Nói rằng vợ bé cũng yêu mà vợ lớn cũng thương là một sự dối.

— Thưa bà, còn như đàn ông viện lẽ không con muốn có con?

— Thường nếu họ thiệt thương trẻ con và thương vợ thì nuôi cháu chớ không cưới vợ bé: Người đàn ông hay nói: « cho 37 cá kho hoà thì phải chán mà đòi món khác ». Mỗi lần nghe nói như vậy, tôi bắt bình lăm và cãi ngay. Người vợ chỉ là một « miếng ăn » hay sao? Tôi tưởng người vợ trong gia đình có một chức-trách trọng-hệ hơn là một thức ăn chớ! Nếu người đàn ông coi vợ như thế đó, chán thì đòi món khác, vậy tốt hơn là đừng cưới vợ, tự do làm gì thì làm... nhưng có ời, đàn ông, cái tánh lớn của họ là ham cái lạ, cái mới. Muốn che họ đừng chán, thì chỉ ăn thua nơi người vợ. Đàn bà Annam ta hay bơ thờ lợt lạt lắm, làm việc gì cũng phớt phớt, cho đến trong tình thương yêu cũng chẳng được sâu đậm. (Chưa chắc!) Các chị em không hiểu rằng kiếm được người bạn giống ý mình đã khó, mà giữ cái tình thương của chồng lại càng khó hơn nữa!

— Sự ham cái lạ cái mới của đàn ông là do nơi họ tiến về vật chất, tinh thần mau hơn đàn bà. Rồi sự khó làm vừa lòng họ được là vì đàn bà còn yếu đuối, ở dưới một trình-độ thấp kém hơn. Người đàn ông ít hiểu rằng giam cầm người đàn bà ở dưới một địa vị thấp thôi là chứa 12 hần hai giống ra. Không hiểu nhau, chẳng thế nào tạo nên hạnh-phúc lâu dài cho cả hai được.

— Chẳng những về tình thương mà thôi, còn các điều khác như nhà cửa con cái công việc làm ăn... Tôi tưởng nếu người đàn bà biết làm trọn trách-nhiệm của mình thì người chồng chẳng có đi chơi, đòi cưới vợ bé nữa.

— Phải chi mỗi người đàn bà đều thấy xa hiểu rộng, biết giữ chồng, thì giải quyết được vấn đề đa-thê, phải chăng bà? Nhưng sự thật, chẳng phải vậy. Chúng ta cần phải giáo hóa phụ nữ, cho họ biết tự-do tư-tưởng và hành-động cho họ có quyền đề hiểu cái phần trách-nhiệm lớn của mình. Người đàn ông nào muốn cho đàn bà yếu là họ muốn lợi dụng cái yếu hèn đó để làm chuyện xấu... .

Thưa bà, còn sự mai-dâm, bà nghĩ đáng diệt trừ chăng?

— Đáng lắm chớ. Nhưng tôi tưởng nên bỏ cái hạng « thanh-lâu-sang trọng » và giữ cái hạng dưới, có giấy nhà nước, vì mấy ông, mấy thầy không dám đến « quartier » đó, còn mấy cô « sang » mất nghề thì phải xoay qua nghiệp khác.

— Bà nói đây là về phương-diện làm vợ chớ không phải về phương-diện phụ-nữ... nhưng tại làm sao mà bà bảo nên giữ « hạng dưới »?

— Vì có hạng nghèo không thể cưới vợ được và cũng vì đó là một nghiệp của hạng đàn-bà nghèo.

— Phải, sự mai-dâm (nói đến mai-dâm là hạng dưới, là số đông) là cái bệnh của xã-hội mà cái gốc của nó là cái chế-độ xấu-xa. Muốn chữa nó phải chữa nơi gốc... .

Trước khi kiếu và cám ơn bà, tôi muốn biết bà có tình với chị - em phụ - nữ tham-gia vào việc xã-hội, chánh-trị không?

— Tôi cũng để ý đến, nhưng tôi tưởng chúng ta phải liệu sức của mình mà đi tới... Hướng ứng thì tôi cũng muốn vậy, nhưng tôi ít có thì giờ rảnh và vì bất-lại, tôi xin nhượng cho chị em giỏi hơn.

— Chúng ta sẽ có dịp bàn đến vấn-đề này... . Chào bà và cám ơn bà đã sôi-sảng tiếp chuyện với phóng-viên của cơ-quan phụ-nữ. Như vậy là quan tâm đến vấn-đề phụ-nữ nhiều rồi... .

N. T. Kiêm.

Bồn báo cần thêm nhiều cô giúp việc cho tòa báo và đi cổ động. Sức học phải có bằng sơ-học sắp lên.

Ở gần xin mời đến báo quán thương lượng. Ở xa xin viết thư bàn cùng bồn-báo chủ nhơn.

PHU NU TAN-VAN

HÔN-NHƠN VÀ HẠNH-PHÚC GIA-ĐÌNH TRONG CON MẮT TÔI

Cho đến ngày nay, ở xã-hội Việt-Nam, hôn-nhơn vẫn là cái mục-dịch duy nhất của đời người con gái.

Mà thật thế, đến tuổi lớn khôn thì người con gái nào cũng đều mang trong lòng một mối hy-vọng:

« Có chồng, con, và tạo nên một cảnh gia-đình ấm-ấm. »

Từ xưa đến nay, nhiều thi-si, văn-nhân, đã từng dùng những câu văn bóng bẩy, nhẹ nhàng như ngọn gió buổi chiều xuân, mà ca tụng hôn-nhơn và hạnh-phúc của gia-đình. Một danh-nhơn ở Âu-Châu đã từng viết:

« Mối hy-vọng của người đàn ông chẳng những là được bên mình có một trái tim đập mạnh vì người, mà lại còn ước ao có cái tay mềm mại chầm mò hôn trán, được có người yêu, như ngôi sao sáng chói rơi trong gia-đình một cách yên tĩnh, ấm-ấm, để lúc nào người đi về, được trông thấy cái cảnh êm ái và có trật-tự. »

Câu văn và ý-tưởng của người thi như thế, song cái lạc thú ấy cũng chỉ ở trong câu văn và ý tưởng mà thôi, đời thật-tế vẫn khác xa nhiều lắm.

Những văn-nhơn thi-si ấy, họ quen sống trong cảnh mơ-mộng, nên họ mới thường ca-tụng hôn-nhơn và gia-đình một cách hay ho như thế, chớ họ có biết đâu rằng, ở xã-hội ngày nay có vô số chị em vì hoàn-cảnh, điều kiện kinh-tế mà không thể gì đạt được mỗi nguyện-vọng của mình là có chồng, con, và có biết bao nhiêu chị em cùng chồng con từ mai đến tối khom lưng cúi cổ mới kiếm được bát cơm để nuôi miệng.

Cuộc hôn-nhơn ngày nay không còn là dễ dàng như xưa nữa.

Không nói đến hạng người làm của nhiều tiền, chỉ chú-trọng về chị em bình-dân, thì ta thấy rằng trước kia, họ còn có thể trông vào sự hôn-nhơn được, chỉ như hiện nay, một cặp trai gái thương yêu nhau, dầu mặn nồng cho mấy, trước khi muốn cùng nhau kết cuộc vợ chồng thì phải nhìn tới tương-lai mà gạt mình, rồi lắc đầu ngó nhau mà than thở: « Lấy nhau rồi, biết lấy chi sống đây? »

Đó là số phận của những chị em chưa chồng.

Còn số phận của những chị em đã có gia-đình rồi thì cũng chẳng mấy may, cái hạnh-phúc gia-đình mà phải thủ-cựu thường đem ra nói, đối với những chị em ấy cũng như hình hạc vẽ mà thôi vậy.

Trái với những cuộc hôn-nhơn tư-bản là những cuộc hôn-nhơn mà phần nhiều quyền-lợi bằng đoạt ái-tình, thì anh em chị em bình-dân lấy nhau chỉ vì thương, cái thương chơn thật, mặn-nồng. Nhưng than ôi, Ái-tình không mà thôi cũng chưa đủ tạo nên gia-đình hạnh-phúc.

Trong gia-đình nghèo, sanh con đẻ cái nhiều thì người vợ phải mồn sức (vì không tiền thang thuốc) mà lại thêm sự lộn kém. Nói rằng một anh nhà quê hay tin heo đẻ con thì mừng, mà hay tin vợ sanh con lại buồn, cũng không sai sự thật chút nào cả.

Bệnh hoạn, thần-chết, là hai vị khách thường đến viếng gia đình nghèo khổ. Chẳng những thế, nạn thất-nghiệp lại làm cho những gia-đình đã cực khổ ấy lại càng thêm điêu-tàn đau đớn nữa.

Ở dưới chế độ xã-hội này, trên đầu người làm việc lúc nào cũng lừng đờng cây gươm Damocles, tương-lai thăm-thăm mù mù, không biết ngày mai sẽ ra sao... Những nỗi cay nghiệt, những sự bất-công phải chịu hằng ngày, làm cho người làm việc trở nên tánh tình cay chua, rồi đi lại thì người vợ phải chịu ảnh hưởng.

Con rêu bánh, vợ hỏi tiền mua gạo, chồng không biết lấy ở đâu, trong lòng sinh bực tức. Những sự cãi cọ, rầy rà, giữa vợ chồng cũng vì đó mà ra vậy. Gia-đình như thế, thử hỏi còn gì là lạc thú?

Ôi! Nói ra luống những đau lòng... Những người ở trong cảnh lâu cao, ăn sung mặc sướng, thường ca-tụng hôn-nhơn và hạnh-phúc gia-đình, họ có biết đâu rằng xung quanh mình họ chỉ là một biển trầm-luân, chứa đầy nước mắt... .

Hôn-nhơn! gia đình! hạnh-phúc!!!
Minh-Tâm.

PHU NU TAN VAN

BON pour un échantillon
de
poudre
GRATUIT THO - RADIA

Cắt cái BON này đem lại các nhà thuốc ở các tỉnh thành hoặc Saigon, Cholon mà lấy kiểu phần Tho-Radia. Nếu nhà thuốc ấy không có, gởi cho Tổng Đại lý: 76 bis rue Mac-Mahon.

Cái chìa-khoá mở tất cả các cửa.

Tuần trước, báo này có đăng một câu trả lời của một vị độc-giả đáp câu hỏi của một tờ báo Anh:

«Bạc là gì? — Là cái chìa khoá mở tất cả các cửa (passe-partout).»

Câu trả lời rất đúng... đúng với tâm-lý của người đời làm.

Chẳng những cái nạn «bối-lộ» chỉ ở đất Việt-Nam này mà thôi, mà là ở khắp cả hoàn-cầu.

bị kiếm duyệt

Một nhà văn, muốn trở nên «bất-tử» đời khi chẳng phải là chỉ nhờ tài cán mình mà được; người ấy cần phải «chuộc» lòng mấy ông «bất tử» bỏ thăm cho mình mới chắc được.

Bởi thế, có anh chàng nợ muốn trở nên «bất-tử» liền mua đồ đạc đến đi cho ông «bất-tử» có thể lẹ hơn hết trong viện. Ông sau này, có hai cô gái, nên anh chàng nợ mua nữ-trang bán hết đến ngày một, để hiến cho hai cô.

Một cô gái, được dỗ mãi nên khoải ý, mới nói với cha:

— Ba à! lần này khoan bỏ thăm cho ông ấy đã. Để lần sau, cho lâu lâu một chút.

Nguy thật!!!

Rất thuận tiện cho Độc-giả

Có rất nhiều vị ở Saigon — Cholon — Gia-đinh muốn mua năm Phụ Nữ Tân Văn mà không có giờ rảnh đến trả tiền tại báo quán; muốn được thuận-tiện cho quý ngài, bản báo có phái cô Minh-Tâm đến tại sở làm hoặc tại nhà để thu tiền và tặng các thứ (truyện sách nhà báo hứa cho.

Xin quý ngài chỉ gửi ít chữ cho bản-báo biết phương-danh và chỗ ở rõ ràng thì sẽ được như ý.

P. N. T. V.

Các thứ sách bán không lấy tiền

- TÂY-SƯƠNG-KỶ có lời phê bình của ông Thánh-Thôn, Nguyễn-dõ-Mục dịch, trọn bộ 8 quyển giá: 2\$10
 - TIỀN-LÊ-VÂN-MẠC (lịch sử liêu-thuyết) tác giả: Phạm-minh-Kiên trọn bộ 5 quyển giá: 2.00
 - TRẦN-HUNG ĐẠO (lịch sử liêu-thuyết) tác giả: Phạm-minh-Kiên trọn bộ 7 quyển giá: 2.10
 - CHẶNG-VI-TÌNH tác giả: Phú-Đức
 - SÔNG-TÌNH tác giả: Cẩm-Tâm trọn bộ 7 quyển giá: 2.80
 - LỮ-TRUNG KỶ-SỰ của Nguyễn-Tường trọn bộ 8 quyển giá: 2.40 (Sách-lử trung-kỷ-sự chỉ có thể tặng độc-giả Nam-kỳ và Trung-kỳ, vì sách này đã bị cấm ở địa phận Bắc kỳ)
 - CAY-ĐĂNG-MÙI-ĐỜI liêu-thuyết của Hồ-biêu-Chánh. trọn bộ 2 quyển giá: 1.00
 - NHON-TÌNH-ẤM-LẠNH liêu-thuyết của Hồ-biêu-Chánh trọn bộ 8 quyển giá: 2.40
 - KÊ-LÂM-NGƯỜI CHỊU liêu-thuyết của Hồ-biêu-Chánh; trọn bộ 4 quyển giá: 2.00
- Quý-vị muốn được các thứ truyện sách kể trên đây, cứ gửi mandat mua Phụ-Nữ Tân-Văn; gửi 5\$00 mua trọn một năm báo thì được tặng 5\$00 sách; mua 6 tháng 2\$80 thì được tặng 2\$80 sách. Tiền gửi sách cũng về phần nhà báo chịu.
- Thơ và mandat xin đề cho Phụ-Nữ Tân-Văn 65, Rue Massiges Saigon

Ở Sài-Thành mới thấy một sự lạ Một lần thứ nhất chưa từng có

THANH - HUỆ KHÁCH - SẠN

Là hiệu nhà ngủ Thanh-Huệ, trong hời kinh-tế nguy-nan, mà còn tồn tại trên đường thương-mại, thì cũng nhờ ơn quý khách, Saigon, Cholon, Giađinh và Lạc-châu. Chủ nhơn là Monsieur Lê-thanh-Huệ chẳng biết lấy chi mà đến gặp cái thành tình của quý khách.

Nên định hạ giá tiền phòng rẻ đặc-biệt, động đến ơn quý khách có lòng chiếu cố đến bản hiệu.

Ban ngày có phòng bốn cất 0\$40 Sáu cất 0\$60 tám cất 0\$80 và 1\$00. Mọi người chủ khách sạn biết ơn đến ngài trả là:

LÊ-THANH-HUỆ

NÓI VỀ THUYẾT «HẠN-CHẾ SẢN-DỤC»



Trước đây các báo có đăng tin một người đàn-bà nước Áo (Autriche) mới hạ sanh một đứa con thứ hai mươi chín! Tôi tưởng đó cũng là một hiện-tượng mới lạ, bởi vì xưa nay chưa có chị em nào sanh-đẻ tới bực đó. Khỏi nói, chắc độc-giả cũng biết được rằng người đàn-bà nước Áo kia đã thắng được cái kỷ-lục (battre le record) về sự đông con rồi.

Đàn-chúng nước Áo hoan-ngheh chị đàn-bà ấy hết sức; chính ngay bà tổng-thống, — bà này cũng tới mười một người con, chớ chẳng vừa gì, — thân hành đến nơi để chúc-mừng.

Thấy đàn-bà nước ngoài đông-con như thế, anh chàng thiết-huyết độc-tài ở nước Ý là Mussolini kia mới nghĩ rằng hề sanh con nhiều thì tất-nhiên dân đông, mà dân đông thì thuế lắm, cho nên anh ấy mới tổ-y thêm-thường đàn-bà trong nước, ai cũng noi gương người đàn-bà nước Áo mà sanh-sản cho thật nhiều. Vừa rồi Mussolini có tổ chức một cuộc-lễ để tiếp-đãi các bà mẹ, mục đích của Mussolini là để khuyến-khích sự sản-dục. Nhưng những người được nhận tiếng làm mẹ đó, ít ra cũng phải có mười hai mặt con sắp lên; nếu không thì Mussolini không có tiếp-đãi đâu. Nhưng ở Ý, người đàn-bà sanh-sản nhiều nhất, thì chỉ có mười lăm lần là nhiều, chưa có ai theo kịp người đàn-bà nước Áo cả.

Vấn biết rằng con của mình là dân của nước, mình đẻ ra nhiều thì nhà nước thu thuế-thân được nhiều, đó là một sự ích-quốc lợi-dân phải chực, nhưng mà trong lúc đẻ con ra nhiều, từ thời-kỳ niên-thiếu cho tới thời-kỳ thành-nhơn của chúng nó thì người mẹ có được nhà nước giúp đỡ những gì không?

Chỗ ấy có quan-hệ đến vấn-đề sản-dục lắm. Có khó gì như Mussolini chờ người ta đẻ đông đẻ mình khen tặng, khó là khó cái sự nuôi-nấng, dạy-dỗ những con đẻ ra đó kia!

Làm sao cho chúng nó sanh-hoạt được một cách

thành-thoi, hấp-thụ được cái giáo-dục phổ-thông, để có cái tư-cách đáng đản và trong gia-đình ngoài xã-hội làm trọn được cái nhiệm-vụ của người con, của người dân; khó chăng là khó chỗ đó!

Nếu đẻ ra nhiều đẻ đông thuế, thì có ích gì cho người mẹ, và đứa con đâu?

Bởi thấy những sự đau đớn, khổ sở của những gia-đình đông con mà nghèo-túng, cho nên có nhiều người xướng lên thuyết «hạn-chế sản-dục».

Thuyết ấy, tôi thấy chị em ở các nước có nhiều người tán-thành.

Theo tôi, thì tôi phản-đối hết sức. Không phải tôi phản-đối thuyết «hạn-chế sanh-dục» là tôi có ý tán-thành Mussolini đâu.

Cái quan-niệm của tôi đối với vấn-đề sản-dục khác cái quan-niệm của anh chàng độc-tài ấy lắm.

Trước hết cho phép tôi hỏi:

«Tại sao cái hạng giàu-có được quyền đẻ nhiều, mà hạng nghèo-k'đ lại phải bị hạn-chế? Hạng nghèo-khổ này, về quyền gì cũng bị cướp-đoạt mất hết, chỉ còn quyền sanh-đẻ đó mà thôi, bây giờ người ta còn muốn giữ đi nữa, thì thử hỏi chị em còn quyền gì đâu nào?»

Chưa bịnh phải biết chưa tận gốc; nếu xã-hội này... còn sự nghèo-khổ, thì làm gì có thuyết hạn-chế sanh-dục kia, là cái quyền của trời cho mà người muốn cướp?

Những người xướng thuyết ấy chẳng qua là chị em ở trên giai cấp giàu-có mà thôi; chị em ấy họ có chút tư-tâm mà nhỏ một giọt nước mắt vào những gia-đình nghèo-khổ, thì ta cũng nên cảm ơn họ, nhưng cũng nên nói cho họ biết rằng:

«Nếu chúng tôi thừa nhận thuyết «hạn-chế sản-dục» của chị em, thì tất-nhiên là chúng tôi thừa nhận rằng cái số phận nghèo-khổ của chúng tôi là không thay-đổi.

«Chị em muốn đứng thấy sự nghèo-khổ của những sự gia-đình đông-con thì chị em hãy giúp chúng tôi giải quyết xong vấn-đề xã-hội (résoudre la question sociale)»

«Chớ sao lại muốn cướp cái quyền của trời cho chúng tôi vậy?»

Kim-Oanh



THƠ MỚI

Cha tôi dui, bởi nạn lửa than trong hầm mỏ.
 Có sức khoẻ, nên không đành khoanh tay ngồi xó.
 Đói tức phải bỏ, mẹ con tôi dắt nhau đi...
 Xuống mỏ, ngày cũng như đêm: ôi khó thế!
 Nguy hiểm, rặng sè, chúng tôi nào có kể chi?
 Làm việc dưới hầm than, tôi lấm dầy than khi.
 Ba trăm thước cách mặt đất, thật chốn âm ty!
 Vì sự sống phải liều, chết có số từ-vì!

Tin ở thần bộ-mạng, sáu năm tôi làm mỏ.
 Thân sống cũng như chết, đời cực như đời chó!
 Ăn ngủ thì thất thường, sức khoẻ mong gì có.
 Một ngủ ngay dưới hầm, đầu mỏ với bụi than.
 Mè mang như chết ngột, người gọi còn bằng hoàng.
 Tỉnh dậy rờ lên mặt, bụi than với hơi nước.
 Pha lộn với mồ hôi, làm mặt tôi đen mướt.
 Than ôi / lòng trái đất, có sao lại lạnh uớt?
 Đọc hay lành, thân vô phúc còn mất kể chi?
 Cháy hầm than và đất sập, tôi thường thấy dòi khi.
 Dạn mặt với bụi than; nguy hiểm với hiểm nguy.
 Thân này còn được sống, sớm tối vất vả đi.
 Đi theo người cùng xóm, dân hèn nào biết nghĩ!
 Đi vào con đường chết, trọn đời còn thú gì!
 Khốn khổ thay sự sống, vì sống phải vào mỏ!
 Trách trời chẳng đáng, phải trách người bày ra nó
 bị kiểm-duyệt

(15-1-34) TUYẾN-THANH An-Thu
 (Nam-Định)

HÀN-LÂM-VIỆN VĂN-CHƯƠNG VARSOVIE

Xứ Ba-Lan (Pologne) từ năm 1916 đã có một
 Hàn-lâm viện khoa-học ở lại thành Cracovie, bây
 giờ đã lập được một Hàn-lâm-viện văn-chương ở
 tại thành Varsovie. Tháng Novembre 1933 rồi đây,
 người ta đã làm lễ mở cửa viện này. Hàn-lâm-viện
 văn-chương gồm có 15 hội-viên; trong đó có 7
 người được quan Thượng-bộ Học chánh cử, rồi
 7 ông ấy cử 8 ông sau.

Trong số « văn sĩ bất-tử » này (người ta gọi các
 ông Hàn-lâm là « les Immortels »), có một người
 đàn-bà, Mme Nalkowska, viết tiểu-thuyết và tưởng
 hát thật hay.

Đàn bà Ba-Lan đã tiến lên một cách mau lẹ.
 Bên Pháp, đến nay vẫn chưa có bà Hàn lâm nào
 Người đáng chức ấy thì cũng có chứ chẳng phải
 không, nhưng người Tây hãy còn thiên kiến về
 đàn bà.

Đây là một bài thơ mới tỏ lời than thân của
 một chị thợ làm dưới hầm than ngoài Bắc-kỳ. Bài
 này có đủ nguyên-tắc, mỗi câu
 có mười chữ đúng.

Chị em nên để ý rằng đó là tiếng khóc than thiết
 thật của một bạn gái lao công. Đọc nghe cảm động
 lắm vì giọng nói thiết tha, và vì cái cảnh khổ diễn ra
 trong mấy hàng đó thật ghê gớm...

Những văn-sĩ, thi-sĩ không ưa lối thơ mới đọc
 bài này sẽ la: « Thơ gì mà không có hồn-thơ,
 nghe như văn xuôi » Mấy ông ấy là người chưa
 bao giờ bước chơn xuống hầm mỏ, chỉ ngồi nhà cầm
 viết rung đùi, mà nếu người ta mượn lời của mấy
 ông để tả cái cảnh khổ này (nếu người ta mượn,
 chứ mấy văn-sĩ thượng lưu này có bao giờ xuống
 đến mấy cảnh khổ nạn kia) thì mấy ông lại muốn
 làm cho « hay » hơn bài này. Có lẽ sẽ có mấy câu
 này:

Ôi! năm canh nghĩ nỗi đoạn trường...
 Trò đời sao lắm chuyện tang thương!

văn văn.....

Nhưng đầu mấy câu trống-lỗng kia mà có em ái
 cho mấy cũng không thể cảm-động lòng ta hơn
 mấy câu này:

Mè mang như chết ngột, người gọi còn bằng hoàng.
 ...Một ngủ ngay dưới hầm, đầu mỏ với bụi than...
 Tỉnh dậy rờ lên mặt, bụi than với hơi nước,
 Pha lộn với mồ hôi, làm mặt tôi đen mướt...
 Than ôi! lòng trái đất có sao lại lạnh uớt? ...

Nguyễn-thị-Kiểm

CHỊ THỢ MỎ THAN THÂN

Lên xuống cửa lò than, tôi quen từ thuở nhỏ,
 Lao công từ nhen chín, là cái tuổi bơ thờ.
 Trẻ trong xóm, vào tuổi này riêng tôi là khổ.
 Tôi khổ, tôi chẳng buồn... vì cha mẹ tôi nghèo khó.

NỘI THÊM Ý-KIỆN BÀI « THI-VĂN VỚI THỜI-ĐẠI » PHẢI CÓ VĂN-HÓA BÌNH-DÂN

Trước hết, chúng tôi phải nhận bài « Thi văn với
 thời-đại » của ông Phan-Nhung đăng trong số trước
 là một bài có giá trị; có giá trị vì chừa những lý-
 thuyết và lập-luận của bài ấy đứng vững lắm.

Sao gọi là đứng vững?

Bởi vì lý-thuyết và lập-luận bài ấy rất thích-hiệp
 với tư trào thế-giới, nghĩa là biết xu hướng theo tư-
 tưởng đa-số người ngày nay.

Ông Phan-Nhung, — tiếc là tôi chưa được quen
 biết, — có ý cổ-động lối văn-chương vô-sân (littérature
 prolétarienne), để biệt-lập khỏi lối văn-chương
 qui-tộc (littérature aristocratique); thế là tôi thấy
 ông bạn có chỗ bất-đồng ý-kiến với cụ Huỳnh-thúc-
 Kháng về bài « Nền cào bằng giai-cấp văn-chương »
 rồi.

Chỗ lập-luận của ông bạn đồng-nghệp đáng
 kính-trọng ở đất Đê-đô là không nên chia-rẻ văn-
 chương qui-tộc, và văn-chương bình-dân, trái lại
 phải nên « cào bằng » đi mới được.

Tôi không đồng ý-kiến ấy, và trước đây tôi đã
 có bài thương-xác lại với báo Tiếng-Dân ở trên
 Công-Luận.

Xét vì, vật-chất là trung-tâm-điểm của lịch-sử
 nhơn-loại, mà lịch-sử nhơn-loại là một lịch-sử
 giai-cấp cạnh-tranh, thì tinh-thần bao giờ cũng
 phải chịu ảnh-hưởng của vật-chất, mà trên chỗ
 vật-chất đã có sự phân-chia rồi thì làm sao trên
 chỗ tinh-thần có thể nói chuyện « cào bằng » được?

Muốn cào-bằng giai-cấp ở trong văn chương,
 « xi-xoá » cái chuyện bình-dân qui-tộc thì trước hết
 phải « cào bằng » giai-cấp ở ngoài kinh-tế đã. Bằng-
 chẳng-vậy, thì người ta sẽ cười mình lấy ngọn
 làm gốc, và nhơn đó người ta có thể trách mình
 « phản » với tư-tưởng của đa-số, và ngăn-trở bước
 đường tiến-thủ của họ. Ngăn trở, bởi vì trong lúc
 đa-số bằng-cứ ở quan-niệm giai-cấp trong lịch-sử
 mà chia hai trận-tuyển để phân-đấu, mình lại nhẹ
 muốn đứng giữa cào-bằng để xử-huê.

Bây giờ tôi trở lại bài « thi-văn và thời-đại »
 của ông Phan-Nhung.

Phải! Chúng ta phải cần nên có gặp một lối văn-
 chương khác với lối văn-chương qui-tộc, gọi là
 văn-chương vô sân mới được.

Vấn biết rằng thứ văn-chương ấy không cổ-động
 thế-tất cũng phải có, bởi vì cái gì đã thuộc về tinh-
 thần, — văn-chương vẫn thuộc về tinh-thần, — thì
 nó chỉ là cái phản-ảnh của cơ sở kinh-tế đó mà thôi,
 kinh-tế đã thay đổi thì tinh-thần cũng phải thay đổi.

Phái nghèo-khổ cũng là người như ai, thì họ
 cũng có tư-tưởng như ai.

Nhưng trong một cuộc vận-động văn-học, — cũng
 như nhiều cuộc vận-động khác, — khi nào cũng cần
 phải có một đội quân tiền-khu (đi trước dẫn
 đường) Cuộc vận-động văn học có thành-công sau
 này cũng nhờ những hạng người như ông Phan-
 Nhung, đã ra công cổ-động thi-văn bình-dân vậy.

Bài tôi viết ra, cốt để tán-thành bài ông Nhung,
 nhưng cũng cốt nói ý thêm đề bài ấy có chỗ dựa
 chắc chắn mà cổ-xúy lối « thi-văn bình-dân » thành
 nên một phong trào.

Đứng về phương-diện bình-dân, rạch đôi giai-
 cấp với qui-tộc cho rõ rệt, thì chúng tôi không bao
 giờ chịu cái lối văn « thủy nguyệt kính hoa », cái
 đó để riêng cho các ông có ngày-giờ nhàn-rỗi,
 chứ chị em, anh em chúng tôi mặc phấn-đấu với
 con ma nghèo, đói hằng ngày thì không bao giờ
 thường-thức được. Chừng nào ai-ai cũng no đủ,
 chừng ấy sẽ nói chuyện « thủy nguyệt kính hoa »
 cũng không muộn gì.

Hãy để cho chúng tôi có thì-giờ mà phấn-đấu.
 Cái lối « nước chảy, mây bay, đờn thông, quạt gió »
 thì ở bên xưởng máy, dưới hầm than chúng tôi
 không bao giờ biết thưởng-thức được cái đẹp của
 nó. Các ngài hãy đem cái « hồn thi sĩ » của
 các ngài mà tưởng-tượng đi, tưởng-tượng nhiều
 chút nữa đi, thì các ngài sẽ thấy rõ sự đau khổ của
 những người ở trong cảnh địa-ngục ở miền dương-
 gian này ra thế nào vậy!

Chúng tôi không bằng lòng lối văn ru-ngũ của
 các ông không phải là không có lý.

Thi-văn của các ông, chúng tôi đọc nghe « kêu »
 thật, nhưng chỉ làm cho chúng tôi thêm tức-tổ
 mà thôi, vì mỗi lần nghĩ tới cảnh nhàn-hung, thú
 khoái-lạc của các ông mà chúng tôi không khỏi
 suy-nghĩ đến sự bất-bình-b đẳng giữa các ông và
 chúng tôi được. Làm sao người ta có thể ngồi nhìn
 nước chảy, ngó mây bay, nghe đờn thông, hưởng
 quạt gió mà riêng mình lại không thưởng-thức
 được cái vẻ đẹp của trời đất một chút nào?

Cái lối văn « thủy nguyệt kính hoa » chúng tôi
 không chịu rồi, đến cái đẹp của trời đất chúng tôi
 cũng không có thì - giờ mà thưởng - thức, nhưng
 chúng tôi cũng có tư-tưởng như ai, thì cái chung-
 quanh-minh là xưởng máy, hầm than, cũng có thể
 kêu-gọi thi-hứng được chứ!

PHU NU TAN VAN

Vậy thì lối « Thi - văn vô - sản » ra đời là hợp thời lắm.

Nhưng trước khi nói đến « thi-văn vô sản » như ông Phan Nhung đã nói thì cũng phải nên nói đến văn-hóa vô sản đã.

Phải! Muốn có thi-văn vô sản thì phải có văn-hóa vô sản, bởi vì hai cái đó như lang bối, không thể nào rời nhau.

Chúng ta đã muốn gây lối thi-văn kia thành nên một phong-trào, thì chúng ta phải cần xây dựng cái văn - hóa vô - sản (culture prolétarienne) Có vậy chúng ta mới khỏi lấy ngọn làm gốc như người khác

Chúng ta phải có lối văn, — lối văn ấy dành rằng là không phải lối văn « kinh hoa thủy nguyệt » rồi, — để giáo-hóa hàng người bình-dân nghèo-khổ.

Văn-tự chỉ có cái công-dụng truyền - bá tư tưởng mà thôi; đối với hàng binh dân phải dùng một lối văn dễ hiểu và hết ý, nhưng cốt nhứt là ở chỗ tư-tưởng.

Cái văn hóa vô-sản khác với văn hóa quý-tộc vừa ở chỗ văn chương mà cũng vừa ở chỗ tư tưởng. Tư tưởng phải cho thích hiệp với sự ước-vọng của binh-dân.

Chúng ta phải biết rằng ở vào một thời-đại nào, thì giai - cấp thống-trị của thời - đại ấy cũng muốn

đem văn-chương, tư-tưởng của mình mà chuyên chế giai-cấp bị - trị ở trên chỗ tinh-thần cả. Mà đã có cái áp-lực thì khi nào cũng có cái trường-lực. Xã-hội này vẫn nhờ đó mà tiến hóa, vậy thì văn-hóa vô-sản sẽ giúp cho xã-hội tiến-hóa nhiều lắm.

Với cái giáo-dục đẳng-cấp mà giai-cấp (hiểu - số đã ép-buộc chúng ta phải học, thì giai-cấp đa số cũng cần phải có một lối giáo-dục riêng mới được.

Lối giáo dục ấy là làm sao cho hạng binh - dân cũng biết tới kinh tế-học, chủ nghĩa xã-hội khoa-học (socialisme scientifique), lịch-sử thế-giới v. v. . biết ca - tụng sự lao - động (le travail) về cả hai phương diện vật-chất và tinh thần.

Ở các nước, ngay như ở nước Pháp, người ta cũng đã có mở trường (truyền bá văn-hóa bình dân; hạng nghèo-khổ hơn đó mà được tinh-ngộ, thấy rõ rằng mình là cái nguyên-động-lực tiến-hóa của xã hội vậy.

Hạng, nghèo-khổ không nên để cho ai nhồi - sọ, và cần phải biết trách-nhiệm của mình đối với lịch-sử ngày nay ra làm sao.

(bị kiểm-duyệt)

Tóm lại, nói theo lời của ông Phan-Nhung, chúng tôi xin nói rằng muốn có thi-văn vô-sản thì phải có văn-hóa vô-sản đã

HOÀNG-TÂN-DÂN

Một phái-bộ phụ nữ

Tháng Décembre 1933 rồi đây, bên Pháp có hai người đàn bà được nhiều tạp chí có tiếng phải đi xứ Mauritanie (thuộc địa của Pháp ở Afrique) để điều tra tình-hình thổ dân. và đó ở trong xứ v. v. Hai cô này Mlle Odette du Puigaudeau và Mlle Marion Senones, có trước là tiểu-thuyết gia, có sau có nhiều bằng cấp thám hiểm đường thủy, cả hai thật là thông thái mới được lãnh một trách nhiệm lớn lao như vậy.

Báo PHU-NU-TAN-VAN

chính - đôn

càng ngày

càng bay



MỘT BUỔI LÂN-LẠ CÙNG BỌN MỌI

Người ta hay khinh khi bọn mọi là dã-man là ngu-dộn. Nhưng người ta có xét cho rằng cái tánh chất phát mộc-mạc của bọn mọi làm cho người cùng giống nó không tương-tàn nhau, không giả dối nhau, không giằng-trấu cướp-ruộng nhau. Nói tắt lại bọn mọi tuy là ngu dốt, thật thà mà họ không tham lam, không lừa dối đồng-bào họ

Cách nay hơn một năm, có lần tôi đi đường bình trên Dalat, dạo chơi cảnh trí lâu ngày tôi cũng thấy chán. Mới sực nhó lại lại mình không chịu chơi bởi chuyện vẫn với ai nên sự buồn chán dễ sanh.

Nhưng mà biết chuyện vẫn với ai bây giờ? Người xa xứ lạ ai là tri-âm?

Một buổi mai đi dạo phố, tôi thấy rất nhiều người: mọi cái, mọi con, mọi đực lủ lượt kéo nhau đi. Nhìn thấy mấy người mọi đang đứng trước cửa hàng của một người Annam, tôi bèn men lại.

Người chủ hàng cũng vào hàng người nhũ-nhặn nên tươi cười mời tôi vào xem hàng chơi. Tôi bèn được dịp biết tánh-tình và cách cư xử của người mọi: Vợ chồng đối đãi với nhau thật là hoàn toàn biết yêu trọng nhau lắm.

Bọn mọi ấy ba người, đó là một gia-quyến: hai vợ chồng và một thằng em.

Hôm ấy vợ chồng anh em dắt nhau đi mua sắm, anh mọi người vạm-vỡ, mặt mũi vui-vẻ, anh mãi nhắm một cái áo to, lùn-dần ve vuốt coi có cái vẻ say mê thêm muốn; Sau cùng anh hỏi chủ hàng và trả giá xong, chỉ có 3 đồng một cái áo ngự-hàn. Anh mừng lắm. Xong giá rồi bây giờ chỉ còn trả tiền là lấy áo.

Mà tiền thì chỉ vợ cất. Ý chừng thấy sắc diện vợ, anh biết là sự khó xin tiền, anh lại gần hai tay đề lên vai vợ, dùng tiếng Annam mà nói: mầy cho tao tiền trả, tao mua được cái áo lạnh có 3 đồng tốt lắm.

Chị vợ nguyệt một cái và day chỗ khác với một tiếng trả lời cụt ngắn: không tiền!

Anh chồng không ngã lòng, vuốt vai vuốt ngực vợ năn nỉ ngọt ngào. «Thôi mà, mầy cho tao tiền tao mua áo bạn, đi làm, tao lạnh lắm, tội nghiệp tao.»

Nói thì nói, chị vợ cũng vẫn một mực không cho tiền.

Người chủ hàng thấy vậy mới nói với anh mọi. «Kìa, sao anh lại thế. Tiền của anh làm ra thì anh cứ lấy mà mua, lại phải năn nỉ mà xin vợ cho nó khi.»



Một đoàn mọi Dalat đi đường.

Anh mọi tuy đang buồn, song khi nghe chủ hàng bảo như thế thì anh ta tươi cười mà trả lời rằng: Không bà, vợ tôi nó là tiền, nó tốt lắm, nó sợ hết tiền. Tôi thương nó lắm. Nó cất tiền cho tôi chớ. Anh ta nói rồi day qua thằng em nói tiếng mọi; cậu mọi kia dường như vàng lịnh anh đi thương thuyết với chị. Nên cậu ta men lại bên chị

ri rầm những gì, chị mọi tai thì nghe em nói, mắt thì ngó chồng: có vẻ hồi-âm. Rồi thấy chị móc tiền ra đưa cho em 3 đồng lại cười ngòn-ngòn!

Bây giờ có tiền trả, anh mọi lấy áo mặc xong, vợ chồng anh em ra đi coi bộ rất là hoan-hỉ.

Tôi đứng chứng kiến một lớp - tuồng đời của người mọi, trong lòng thấy vui-vui. Vậy ra cái tình âu-yếm của dân-tộc nào dầu là dã-man hay văn minh cũng chẳng khác nhau chút nào. Nay giờ, người chủ hàng thấy tôi để ý tới người mọi như vậy bèn cho tôi biết qua chỗ làng mọi ở; ở đây chúng nó cũng có làng, tổng, huyện, hợp làm một xã hội, biệt riêng trong rừng núi rừng thông.

Tôi nghe được thì đề bụng, bèn chào bà chủ hàng mà về.

Hôm sau, nghĩa là cách qua một đêm của cái ngày tôi được thấy vui vẻ trong lòng. Vì sao tôi

Cùng các bạn đọc-giả yêu quý

Giá bán lẻ từ nay, bản báo định lại mỗi số 0\$10; số trương cũng vẫn đủ 3\$ trương như trước và bài vở lại thêm nhiều mục.

Tiểu-thuyết Đới Có Đàng đã gần hết, bản báo đã dự bị một bộ tiểu - thuyết khác bố cục rất ly kỳ và văn-chương rất diễm-lệ của ông B. Đ. Bản này tiếp theo bản CẬU-TÂM-LỢ và MẠNH-TRĂNG-THU.

Quý-vị đã đọc Mạnh-Trăng-Thu, Cậu-Tâm-Lợ thì xin nhớ xem bản sẽ đăng sau này mới rõ được trường (án các nhân vật trong 2 bộ trước, « ĐAM CƯỚI TÂM LỢ » ấy là tên Bản tiểu-thuyết sẽ đăng. Hay lắm!

P. N. T. V.

lại lưu-tâm đến bọn người mọi, và thấy mình vui mà nghe họ chuyện trò cư xử với nhau?

Tôi nhứt định ăn lót dạ xong thì đi đến xóm mọi ở. Đường đi thì tôi khỏi phải ngại, vì tôi đã có nhờ bà chủ hàng cho người vù già dẫn-lộ.

Trước khi đi, tôi đã biết người mọi ăn uống rất cực khổ, phẩm-thực của họ thường là cá khô cùng muối. Tôi bèn mua ít thực thịt, cá trứng, bánh trái mang theo.

Đường đi xe thì chỉ được có một nửa, còn nửa thì phải «cuốc bộ», mà không đi nổi thì đã có vông của thổ-nhơn đi thuê.

Tôi khởi hành vào lúc 8 giờ. 8 giờ mai của đất Dalat! Êm ái thay cảnh Dalat buổi bình-mình!

Còn gì vui bằng một cuộc đi chơi mà có ý nghĩa. Tôi đi đây thật là đi chơi cho khuấy nổi nhớ nhà mà cũng là dịp đi quan-sát tánh tình và cách ăn ở của người mọi vậy.

Từ chợ Dalat xe chạy thoát thoát, không mấy chốc đã tới «route de chasse» hai bên đường những hòn non lúp-xúp (mamelon) cỏ mọc xanh um, trông như tấm thảm bằng nhung xanh trải phủ đẹp mắt lạ lùng.

Tôi mặc cái áo ngự-hàn vì không quen nên sự đi đứng cũng làm bạn cho tôi một chút. Tuy vậy tôi cũng phải chịu, vì sương sớm chưa tan, và khi trời Dalat lúc bấy giờ hàn-thứ-biểu xuống tới 13 độ. Lạnh lắm!

Giá đình bọn mọi.

Đi gần tới xóm mọi tôi đã trông thấy lúp xúp một bọn mười người quây quần chung quanh một đống lửa. Kế ngồi người đứng, hút thuốc, ăn trầu, chuyện trò vui vẻ.

Thấy tôi đến bọn họ nhìn trăn. Tôi hỏi các người lạnh lắm hay sao? Sưởi như thế tới chừng

Nhà Thuốc Tây ở Tân Định
 22, đường Vassoiigne 22
 (NGAY CHỢ TÂN ĐỊNH)
 BÁN ĐỦ CÁC THỨ THUỐC BẢO CHẾ THEO TOA QUAN-TRẦY
HỒ-ĐẮC-AN
 TÂN-SĨ YẾ KHOA BẢO-CHẾ.
 ĐƯỢC PHÂN THƯỞNG CỦA VIỆN HÀNG LÂM Y KHOA.

nào mới đi làm?

Họ rập nhau trả lời: «Lạnh lắm có ời! Chúng tôi hơi một lát rồi phải đi làm, chớ có ở không đâu mà ngồi đây hoài được.

Một người đàn ông trong bọn, tôi thấy cái tướng và oai-ngời đờng-bệ, tôi biết chắc va là bực huynh trưởng của bọn này, tôi bèn bắt đầu phỏng vấn anh ta. Dưới đây là lời tôi hỏi và lời anh mọi đáp.

— Này anh, có phải anh là lớn hơn hết trong bọn đây chăng?

— Anh mọi trả lời: dạ phải.

— Ở đây anh cai-quản vợ con và em cháu anh, hay còn dưới quyền ai nữa?

— Thưa có, tui tôi làm chung ăn-chung với nhau, không kẻ của ai cả. Có ít ăn ít có nhiều ăn nhiều.

Tui tôi có một ông huyện để coi chừng trong sóc làm ăn thôi.

— Những việc làm của bọn anh là việc gì?

— Tui tôi chỉ làm ruộng, và đi kiếm củi dổi dờ ăn.

— Làm ruộng cách nào?

— Mỗi nhà làm mỗi một miếng đất, lấy đủ lúa ăn.

— Anh lấy vợ thế nào, có cưới hỏi không?

— Mọi lấy vợ dễ lắm có a!

— Dễ làm sao?

— Một người con gái lớn muốn người nào làm chồng mình, thì dùng kèn mà làm quen, mọi thời kèn hay lắm.

— Anh biết nội đây có người con gái nào anh biếu thổi kèn cho tôi nghe chơi, tôi muốn nghe lắm.

— Anh ta ngắm nghĩ có vẻ du-dự.

Tôi thừa cơ-hội bèn bảo vù-giá sắp đồ ăn ra phân phát cho tui nó mỗi người một ít, họ lãnh đồ coi bộ mừng rỡ và trân-trọng lắm.

Anh đàn-ông này giờ ngắm nghĩ, rồi xáy qua một chị mọi mà «trâm» một hồi liếng mọi; ý chừng chị này là vợ anh thì phải.

Chị này cười, chạy lại vỗ vai một chị mọi khác, trạc chừng 15, 16 tuổi bảo gì một hồi lú-lo mình không biết. Tôi thấy chị ta hơi bẽn lẽn một chút rồi chạy vào chòi, một lát trở ra thấy tay có cầm cái kèn.

Cái kèn hình dáng cũng ngộ. Phía dưới là cái bầu bằng cây tiện chước sơ sài và có khoét 3 hay 4 lỗ chẳng hạn; mấy cái lỗ là có mấy cái ống trúc cắm vào, dài độ 3, 4 tấc. Từng chặn ống trúc có khoét

nhiều lỗ để khi thổi mà nhẩn.

Cách một khoảng không xa mấy, chỉ hú một tiếng thì nghe, bên ấy cũng có một bọn quây quần như bên này, và này giờ chúng thấy khách lạ cũng có người chạy qua ngắm nghía bọn tôi.

Bây giờ người con gái mọi mới đàng-hàng và nghiêm sắc mặt, đứng thẳng người lên, và day mặt qua phía bọn bên kia, phát chốc tiếng kèn kêu lên cao thấp rất có nhịp nhàng tiết tấu. Tiếng kèn dài mà rền rĩ như than thở, như yêu cầu. Chị ta miệng thổi tay thì ngoắt, tôi dòm theo thì bên kia đã có một anh «tráng sĩ» đứng ngó ngay cô ta có cái vẻ mặt say sưa. Cô này mắt liếc rất tinh, tay ngoắt rất dju. Cái dáng điệu ấy cũng với cái âm-hưởng bài kèn kia có cái hấp-lực rất mạnh. Chẳng những ý-trung-nhơn của cô ta say-sưa mà nội bọn đồng nghe hôm đó cũng đều có cái vẻ mê-lạc cả!

Bỗng dứt tiếng kèn.

Bên kia anh nọ cũng trịnh-trọng nâng kèn lên thổi đáp lại. Bài kèn của anh nghe rất là chứa-chan tình cảm, như như bảo người bạn hãy tin ở mình.

Tôi thích quá, bèn mở đồ ăn ra phân phát cả cho hai bên.

Rồi tôi hỏi anh mọi:

— Vậy rồi làm sao mà kết vợ chồng với nhau?

— Thưa có, chúng nó biết nhau (hiều nhau) rồi thì thàng con trai đem gà và trầu thuốc, cau dẻ cúng ông bà rồi làm cơm đãi trong sóc rồi lấy nhau.

— Có khi nào họ lấy lên rồi bỏ nhau không?

— Thưa có cũng có, mà ít lắm.

Khi nào thàng con trai lấy dứa con gái mà không đi trầu cau rồi bỏ nhau, thì hàng sóc tôi phải kéo ra bắt dứa con trai, không được bỏ vợ, nếu nó không nghe thì hàng sóc tôi kéo xuống thừa huyện để Huyện xử phạt. Nhưng mà không mấy khi có cô a.

Tôi hỏi:

— Người con gái sau khi bị người con trai gạt gẫm, sau rồi có được đàn-ông khác lấy từ tế không?

— Thưa có không, mọi tôi chề lắm!

— À anh, thế vợ chồng ở với nhau lâu có con có cái thì có khi nào bỏ nhau không?

— Thưa có cũng có, mọi không tranh giành của cải tiền bạc, người ta cũng vậy. Thương mới lấy không thương không lấy được đâu có.

Tôi ngồi lắng tai nghe bọn mọi trả lời, mà suy nghĩ đến cuộc đời của bọn người cùng giống với mình và tự hỏi: ở đâu công bình hơn, ở đâu là chơn-lý hơn?

Một giọt mồ hôi trên thái-dương tôi nhều xuống rớt đọng gò má lạnh tanh. Tôi giữ mình, vì thấy mình quá ham mê câu chuyện mọi mà quên rằng mình đã xông pha sương, nắng đường xa. Về thôi!

Nhân liếc nhìn qua chỗ ăn nằm và cách ăn mặc của họ, mới biết rằng càng gần cảnh tự nhiên chừng nào thì sự thèm muốn tranh giành, dối gạt càng không có xảy ra chừng nấy: vì sao? Vì rằng các cách cư xử của họ không chiếm người hay vật làm của riêng của họ.

Vậy thì về chỗ này bọn mọi có đáng khen không?

Sau cuộc gặp gỡ người mọi, tôi lại bị luôn luôn đau yếu, thành ra không còn có dịp gặp lại họ, mà mãi đến ngày hôm nay, như một buổi nói chuyện cùng bạn hữu, tôi lại nhớ mà thuật lại, rồi biên ra bài này.

NHUẬN KHANH

Mua một năm PHỤ-NỮ TÂN-VĂN giá có 6\$00 mà sẽ được tặng các thứ truyện sách có giá trị đáng giá 5\$00, mua nửa năm 2\$89 cũng được tặng 2\$80 truyện sách, xin xem trương 15 có kê rõ các sách tặng.

CHUYỆN VUI

Khó quá

Ông x... là một giáo-sư dạy khoa vật lý ở trường đại-học Z. Ông ta có tánh bẽn lẽn lắm nên lúc thì ông ấy hay hỏi học-sanh nhiều câu trở trêu lắm.

Như trong một cuộc thi vừa rồi ông chỉ một cái chương diển mà hỏi một người học-sanh rằng:

— Nếu tôi bấm chuông diển thì sẽ xảy ra điều gì?

— Dạ thưa sẽ có một luồng diển chạy.

— Bậy! bấm chuông thì anh lon ton chạy lên chớ. Đến hôm sau, ông giáo-sư cũng đem câu đó mà hỏi một trò khác. Trò này hay chuyện hôm trước rồi nên trả lời:

— Dạ bấm chuông thì anh lon ton chạy lên.

Ông giáo-sư giận:

— Này anh, anh phải biết rằng ở đây chỉ tôi mới có quyền bẽn lẽn mà thôi, phận-sự anh là phải trả lời cho đúng...

Ông giáo-sư này thật khó quá!

Hitler, Mussolini và ông phó-báng Hoàng-tăng-Bí

CŨNG LẠI CÂU CHUYỆN « NAM NGOẠI NỮ NỘI »

Vừa rồi đây, trên mặt tờ Trung-Bắc ông Hoàng-tăng-Bí đã nhọc công kéo dài một hơi hai cột mà bàn đến vấn-đề phụ-nữ.

Ông H. T. B. muốn cho thuyết mình được vững, mở đầu bài thì liền đem ý-kiến của hai tay độc-tài ở Ý và Đức là Mussolini và Hitler đối với phụ-nữ ra mà nói.

Ông viết : « Đảng Quốc-gia xã-hội vì muốn cứu chữa nạn thất-nghiệp, nên cấm đàn bà làm việc ở công-sở, sợ rằng tranh mất chức chương đàn ở ông. Mới đây, chánh-phủ nước Ý cũng bắt chước cái chế-độ ấy, hạn-chế đàn bà làm việc ở các công-sở....

« Cứ theo ý-tưởng của Mussolini thì đàn bà chỉ nên ở trong nhà lo làm hết cái trách-nhiệm mẹ hiền vợ đảm. »

Ông phó-báng Bí cũng đồng một ý-tưởng với nhà độc tài Ý nên lại viết :

« Đàn ông làm việc bên ngoài, đàn bà chủ việc bên trong, đó là cái chế-độ của xã-hội nước Tàu và nước ta, noi theo đã mấy ngàn năm, trật-tự ở xã-hội đã giữ được vững vàng, hạnh-phúc ở gia-đình vẫn giữ được đầm ấm, vẫn sinh-trưởng và đoàn-tụ được với nhau ? »

Đến đây, ông Bí trách những người đề xướng nữ-quyền và cho rằng bọn người ấy : « Không nghĩ rằng bây giờ chưa đến buổi thế-giới đại-đồng, thì cái chế-độ gia-tộc còn chưa bỏ được. »

Ông lại không chịu nhận rằng người đàn bà có cách sinh-hoạt ở trong tay thì mới khỏi phải làm nô-lệ người đàn ông. Ông cho thế là lời nói quá khích chứ không đúng sự thật.

Rồi ông kết-luận : « Đàn ông chủ việc bên ngoài, đàn bà chủ việc bên trong, đó là cái lẽ tự-nhiên tạo-hóa đã an bài ra như thế. Xem ngay như hai nhà đại chính-trị ở Châu Âu bây giờ, cũng cho thế là phải, mà hạn chế đàn bà không can-thiệp ở việc bên ngoài, mới biết rằng cái hay cái tốt của mình, người ta đương muốn bắt chước, mà mình

lại cho là hủ-lậu, là thiên-lệch mà muốn bỏ đi, thế chẳng đáng buồn cười lắm ư ? »

Đại khái bài báo của ông chủ-bút Trung-bắc-Tân-văn là như thế.

Rõ khờ thì thôi, ông H. T. B. lại buộc chúng tôi phải bàn lại một vấn-đề mà chúng tôi đã từng luận đi luận lại nhiều lần rồi.

Ông H. T. B. sai lầm, cũng như nhiều người đã sai lầm, vì chỉ quanh-quẩn trong vòng thành-kiến, không biết ngo ra khỏi hoàn-cảnh, địa-vị của mình đang ở.

Ông lấy gương Hitler và Mussolini ra làm thí-dụ. Vì ông quá tôn sùng hai người ấy nên ông nhận cho việc làm của họ là phải, chứ ông không kịp nghĩ rằng chỉ nội hai tiếng « độc-tài » cũng đủ làm cho ta tưởng-tượng những nỗi thống khổ của dân đen phải chịu, ở dưới chế-độ ấy.

Nhớ lại, trước đây, bàn đến việc Hitler cấm đàn bà đi làm, tôi cũng đã có viết rằng :

« Hitler bài trừ nạn thất-nghiệp bằng phương-pháp ấy là thất sách, vì :

- 1/ Phạm đến sự tự-do cá-nhân.
2/ Chỉ xoay nạn ấy về hướng khác chứ không trừ hẳn được.

« Thứ nhất, đã sanh ra làm người, dầu trai hay gái, thì cũng đều có quyền tự-do mà sống dưới bóng mặt trời cả. Đi làm cũng không là cái quyền tự-do của mỗi người, hề phạm đến là vô-nhân-đạo. Hitler dám làm như thế là cậy sức mạnh, dùng võ-lực mà đè ép kẻ yếu.

Thứ hai : Nạn thất-nghiệp sẽ dĩ xuất-hiện là vì kinh-tế khủng-hoảng : mà kinh-tế khủng-hoảng là do cách sản-xuất tư-bản mà ra. Muốn bài trừ nạn thất-nghiệp thì chỉ có một cách là vãng-cứu tình-hình kinh-tế lại, mà muốn như thế, ngoài ra cách tổ-chức xã-hội lại thì không còn phương-pháp nào nữa. Hitler, vì địa-vị cao quý của mình, vì quyền-lợi của phái làm hậu-thuần cho mình là bọn chủ

ngân-hàng, tư-bản, nên muốn duy-trì cái chế-độ tàn-khốc, bởi thế nên va « không dám » trừ nạn cho tận gốc, nghĩa là sửa đổi chế-độ kinh-tế lại. Anh thủ-tướng rần sai-lò, muốn « nhồi sọ » bọn tín-dờ mình, nên cấm đàn bà đi làm, để chờ cho đàn ông, và tuyên-bố rằng đó là phương-pháp hay để trừ nạn thất-nghiệp.

Như trên đã nói, Hitler làm như thế là chỉ cốt tỏ cáo dân-chúng hay rằng mình có hành-động, chứ kỳ-thiệt, anh ta cũng không đại gì mà chẳng hiểu rằng : Những chị em đi làm, không phải vì « ưa thú làm việc » mà sự thật là làm để nuôi thân. Nay, cấm họ đi làm, thì tất nhiên sẽ thất-nghiệp đàn ông giảm bớt, nhưng đồng thời, những chị em kia lại trở nên thất nghiệp. Nạn thất nghiệp chỉ đổi chỗ (déplacé) chứ không biến mất đi được.

Đó là một chỗ sai lầm hay cố sai lầm của Hitler mà cũng là của những người như ông Hoàng-tăng-Bí.

Thuyết Nam ngoại nữ nội.

Chẳng những là ông Bí, mà trước đây những người phản-đối nữ-quyền cũng đã từng nói :

« Đàn ông làm việc bên ngoài, đàn bà chủ việc bên trong, đó là cái chế-độ của xã-hội nước Tàu và ta, noi theo đã mấy ngàn năm. Như thế mới là có trật-tự, gia-đình mới có hạnh-phúc. . . »

Đem chuyện trước mà làm ví-du cho chuyện sau, đã là sai lầm rồi. Vì, một ai hiểu biết lịch-trình xã-hội, một ai có xét đến lịch-sử tiến-hóa của nhân-loại đều cũng phải nhận rằng xã-hội phải vì sự nhu-cầu của loài người mà trăm biến vạn hóa, mỗi thời-kỳ tiến-hóa của nhân-loại đều phải có một chế-độ xã-hội riêng, không có một xã-hội nào không hợp thời mà đứng vững được. Ngay ở thời-đại này mà có người muốn duy-trì cái chế-độ từ mấy ngàn năm trước của nước Tàu và nước ta (?) thì thật là . . . hay hết chỗ nói. Mà ông H. T. B. là người qui hóa ấy vậy !

Rút một câu nửa trong bài ông Bí :

« Bây giờ chưa đến buổi thế-giới đại-đồng thì cái chế-độ gia-tộc còn chưa bỏ được », thì ta cũng đủ thấy rằng tác-giả bài ấy chỉ biết có mình, vợ con mình và cái cảnh êm đềm sung sướng của một anh tiểu-tư-sản mà thôi, ngoài ra không còn thiết đến xã-hội, nhân-loại là chi nữa.

Nếu như tác-giả biết phóng tầm con mắt ra khỏi

lạc-cánh của mình, thì sẽ thấy rằng chế-độ gia-tộc không đợi ai bỏ nó, mà hiện nay, tự-nhiên nó phải lần lần mà tiêu hủy.

Thì đó, cứ nhìn thử mà xem ! chỉ có hạng người làm bạc nhiều tiền, tức là hạng tư-bản và tiểu-tư-sản như ông Bí, mới có thể hưởng được lạc-thú gia-đình, cha con chồng vợ vui cảnh đoàn-viên, chi như bọn tay làm chân như anh em chúng tôi đây, làm thân làm mồi cho sự rủi may, nay trời mai nỡ, bị điều-kiện sanh-hoạt cuốn lôi, không biết đâu là nhà là cửa, lo cho sống đã cũng là khó rồi, còn biết chi vợ, con, gia-đình với hạnh-phúc ?

Đồng thời với anh em chúng tôi, thì những chị em một giai-cấp với chúng tôi cũng phải vì điều-kiện kinh-tế, kể sanh-nhật mà trôi nổi khắp nơi, dấn thân vào hầm than xuống máy động tìm sự sống (?). Những chị em ấy không ai bảo họ bỏ gia-đình mà họ cũng phải bỏ, không ai bảo họ ra ngoài xã-hội mà tự-nhiên họ cũng phải bước chơn ra ngoài xã-hội.

Ông H. T. B. cũng như những người khác, hề nói đến nhân-loại thì chỉ lấy hạng người nhà cao cửa rộng làm tiêu-biểu, nói đến phụ-nữ chức-nghiệp thì chỉ ngo ngay vào những cô, bà, đi làm cầu vui, rồi cứ tưởng rằng thế-giới này là một cảnh thiên-đàng, nhân-loại thấy đều hưởng phần khoái-lạc.

« Đàn ông chủ việc bên ngoài, đàn bà chủ việc bên trong, đó là cái lẽ tự-nhiên tạo-hóa đã an bài. . . »

Câu ông Bí nói không lạ.

Mọi việc ở đời đều là lẽ tự-nhiên của tạo hóa đã an bài hết.

(bị kiểm duyệt!)

Một câu kết luận của ông Bí cũng đủ cho ta thấy rõ người ông và quan niệm của ông, tưởng không phải nói dài thêm làm chi nữa !

— BÔNG —

Chớ quên
Dấu TỬ - BÍ

NỮ-SĨ CHI-HƯƠNG VỚI PHÒNG SALON CỦA MÌNH

Hương đã kể một chuyện này cho tôi nghe.

Trong số người hăm-mộ cô, có lẽ ông X... là người « si » nhất. Một bữa kia, nhằm khi ngồi họa thơ, thì ông ấy đã quì trước mặt nữ-sĩ mà khấn cầu rằng: « Je ne suis qu'un ver de terre qui regarde les étoiles! » (Tôi chỉ là một con trùn ngưỡng nhìn ngôi sao!)

Nhưng nữ-sĩ Chi-Hương đối với tất cả mọi người cũng chỉ có tình bạn-thanh khí, chớ ngoài ra chẳng có ý gì khác cả.

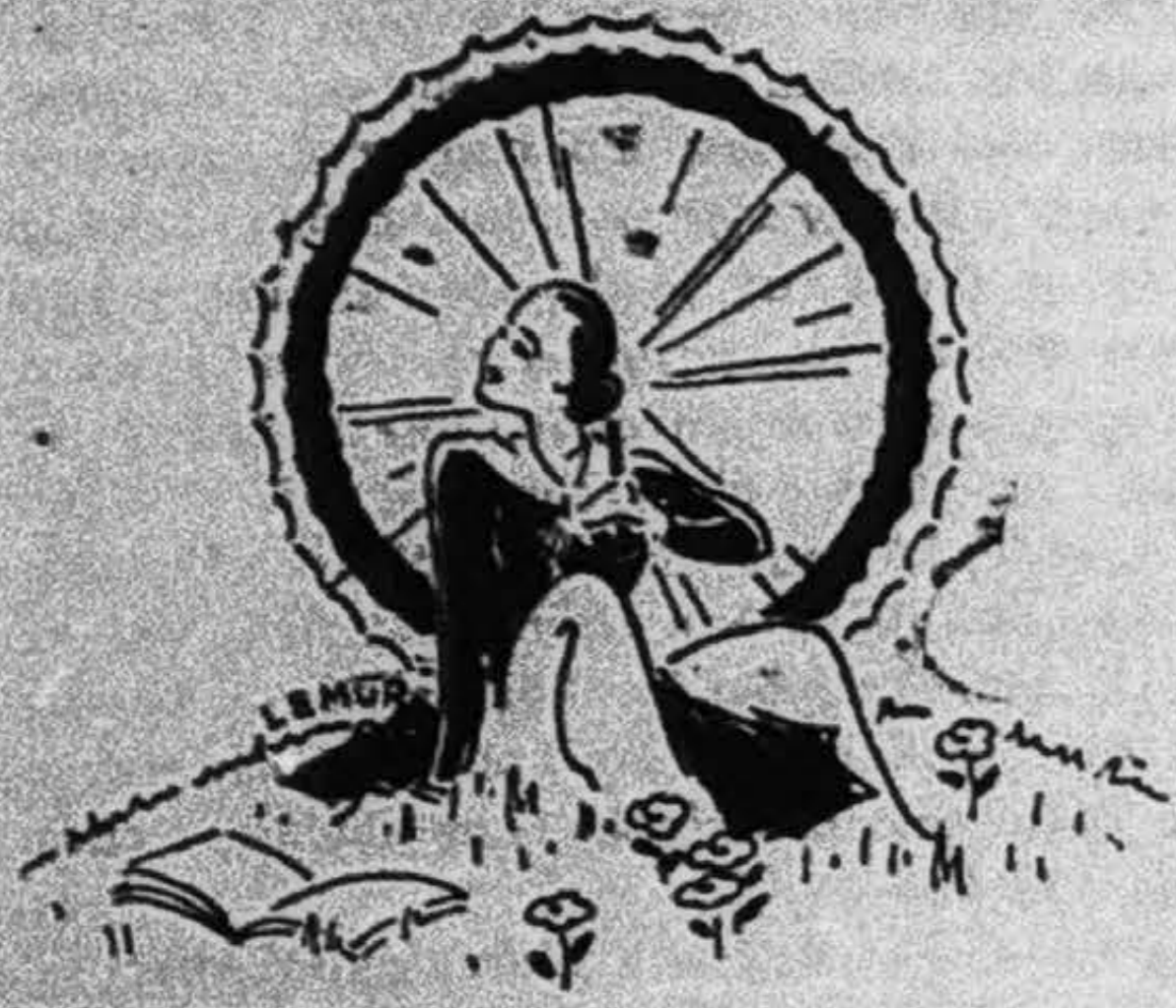
Phòng « Salon » này không phải mở ra chỗ dó hội mà chính ở là chỗ thanh-tĩnh; một cái nhà lớn chung-diện theo kiểu Tây, xung-quanh có cây có nước sần-sàng. Đến kỳ hoa nở thì đầy vườn thơm ngát; chính những lúc ấy nữ-sĩ lại tiếp các bạn ở ngoài trời, dưới bóng cây. Cái cảnh này thiệt khéo gợi thi-hứng! Thơ của nữ-sĩ đọc lên thấy nhẹ-nhàng, khoan khoái, có lẽ cũng nhờ chịu ảnh-hưởng của cảnh bóng-hoa, cây-cỏ ấy mà ra.

Trong phòng Salon thấy bày la-liệt những ghế nhúng, sát vách có những ngọn đèn chiếu ra một cách kín đáo, cạnh bên-phòng ấy có một cái thơ viện trên hai ngàn cuốn sách Tây, Tàu, quốc ngữ đủ thứ.

Kìa! Hai ông nghị-viên đang tranh-luận với nhau về một vấn-đề chánh-trị ở bên bàn sách! Nơi một vị trạng-sư đang thuật chuyện ở tòa cho một nhà viết báo nghe! Đây! Lại một thi-ông đương ngâm nga bài thơ của mình mới làm một cách đặc-ý. Đó! Một nhà hội-họa đương khoe với tất cả mọi người những bức vẽ của mình vừa vẽ xong. Đàng xa, nữ-sĩ Chi-Hương đương tiếp chuyện với vài ba nữ-sĩ khác, và đương bàn-luận với nhau một vấn-đề đặng đặng-dàn diễn thuyết trong một kỳ lời.

Phòng Salon lúc bấy giờ có vẻ linh-hoạt lạ lùng và có một không-khí đầy cả thi vị.

Nữ-sĩ Chi-Hương tiếp các bạn gái xong thì lại lo tiếp các bạn trai, khi nào trên hai môi miêng đỏ-ong cũng thấy một nụ cười rất xinh-xắn « Nụ cười ấy có sức lưu khách lại hơn một tiếng mời ». Chính một văn-nhơn kia đã nói như vậy.



Nữ-sĩ Chi-Hương!

Hai cái tên Chi-Hương đã bay khắp ba kỳ; trong văn-dân báo giới không còn ai là không biết danh nữ-sĩ.

Chính nữ-sĩ là người đứng ra khởi xướng việc lập « salon » đầu tiên ở nước Nam-Việt; người bạn yêu của nữ-sĩ là cô Le Chevrel, có cái « Salon » ở quartier de Passy tại Paris, là chỗ hẹn-hò của các văn-nhơn tài-tử, không thiếu sót một mặt nào như René Benjamin, Marcel Prévost, Léon Daudet, Mme Paul Morand, François Mauriac, Ramon Fernandez v. v. v.

Nói cho phải, nữ-sĩ Chi-Hương lập được « Salon » trang-hoàng, và một cái thơ-viện sung-túc như ngày nay là cũng nhờ có cô Le Chevrel bày-vẽ, giúp đỡ cho.

Nữ-sĩ Chi-Hương năm nay hai mươi hai tuổi. Một người con gái có cái đẹp lạ lùng! Người ta nói nữ-sĩ cũng chẳng khác gì một ngôi định-tinh có sức hấp-dẫn các ngôi hành-tinh khác. Các văn-nhơn tài-tử trong nước lui-tới Salon của nữ-sĩ, biết đâu rằng không phải vì cái nhan-sắc diễm-lệ của nữ-sĩ một phần, hay nhiều phần mà ra? Tôi biết trong số văn-nhơn kia, có nhiều ông thanh-niên chủ-bút rất hăm-mộ nữ-sĩ Chi-Hương, không phải chỉ ở chỗ văn viết có duyên, lời nói có tình mà chính ở chỗ sắc mặt kiều-mị của nữ-sĩ vậy. Có Chi-

CHI EM PHÁP VÀ HUÈ-KỶ KHÁ ĐƯỢC LÀ CÙNG NHỜ AI?



Bà Maria Derains là ai?
Tất là một người đàn-bà Pháp đã từng ra công cõ-động cho chủ-nghĩa phụ-nữ mau thiệt-hành, Bà Derains sanh năm 1828, và mất năm 1894.

Nghĩ vì bà là một người rất có công khó với phụ-nữ

Pháp, cho nên chị em Pháp ngày nay phở tới ngày chết của bà mà tỏ-chức nhiều cuộc lễ lớn-lao.

Bà Maria Derains sanh-trưởng ở một nhà phong-lưu, quí-phái, có một cái học-lực rất đầy-dủ.

Bà là một người giàu có nhưng không phải riết-rằm như ai, cho nên đối với chị em nghèo - khổ, bà hay giúp-đỡ và an-ủi. Tấm lòng từ-thiện của bà làm cho người-người đều kính-mộ. Bà không thể nào chịu nổi với cảnh đói khổ, đau-khổ của những gia-đình nghèo-cực, cho nên bà biết hy-sanh-thì-sản phải lúc, và bà rất chú-ý đến các vấn-đề xã-hội.

Sự-nghiep văn-chương của bà Maria Derains cũng lđi-lực lắm, trước hết bà viết tuồng hát được người ta hoan-ngheh nhiều; bà cũng hay diễn -thuyết, lựa rỗng những vấn-đề triết học, và tỏ-chức nhiều cuộc hội-hiệp để bàn-bạc đến những vấn-đề giải-thoát phụ-nữ.

Cái đời của bà hoạt-động lắm, chính bà đã có lúc đứng ra « bình vực » cho những tư-tưởng mới, công-kích những hủ-tục, tập-quán muốn bỏ-buộc đàn-bà ở trong địa-vị bèn-kém lâu nay. Chị em trong nước hưởng-ứng theo bà Maria Derains đủ lắm.

Bà muốn cho đàn-bà được hoàn toàn bình-dẳng với đàn-ông, ở trong gia-đình và ở ngoài xã-hội; Bà cực-lực công - kích những tư - tưởng của Alexandre Dumas fils; muốn ngăn-trở không cho đàn-bà mạnh-dạn bước lên đường giải-phóng.

Đàn-bà Pháp hồi bấy giờ cũng như đàn-bà Việt-Nam ta ngày nay, bị nhiều thành-kiến, tập-tục bó-buộc khó

Nhờ có các bạn-bè giúp sức mà phần thưởng văn-chương của « Salon Chi-Hương » đặt ra được có kết-quả rất mỹ mãn. Những văn-sĩ trong nước đều đua nhau viết sách thiệ hay đề dự thí. Nhờ có phần-thưởng ấy mà có nhiều cuốn sách rất có giá-trị ra đời như sách khảo cứu thì có cuốn « Văn đề xã-hội » như tiểu-thuyết thì có cuốn « Hồ hải-duyên », nếu đem so-sánh với các sách Đông Tây từ văn-chương cho tới cách bố-cuộc thì chưa chắc đã thua sút chút nào. Thiệt Chi-Hương nữ-sĩ là một người con gái rất lanh lợi, rất hoạt-bát, rất tài ba
Mình-Đức

chịu làm, làm cho người đàn-bà không có một chút gì tự-do.

Bởi các ông là đàn-ông cho nên không biết rõ tâm-lý đàn-bà, chớ chị em chúng tôi khi nào cũng khát-khao sự công-lý, bình-dẳng cả. Bị câu-thức, bị hạn-chế là một lẽ bất-dắc-đĩ đó thôi. Bà Maria Derains phau đối ông Alexandre Dumas fils, một nhà trước-tác trứ-danh của Pháp hồi thế-kỷ thứ 19, là cũng vì cái lẽ nhà trước-tác ấy chỉ-trích chủ-nghĩa phụ-nữ (féminisme).

Bà Maria Derains muốn truyền bá tư-tưởng của mình, liền đứng ra chủ-trương một tờ báo, tức là tờ báo République de Seine-et Oise, và tỏ-chức nhiều liên-đoàn phụ-nữ để mưu-cứu sự tự-do bình-dẳng với đàn-ông.

Bà yêu-cầu quyền phụ-nữ đầu-phiếu, và ứng cử. Chính bà đã làm chủ-lịch một cái hội phụ-nữ, gọi là hội « tăng số-phần đàn-bà lên » (Société pour l'amélioration du sort de la femme).

Bà Maria Derains từng nói rằng: « Thiệt là trái với lẽ tự-nhiên, nếu người đàn-bà cứ phải ở dưới quyền đô-hộ của người đàn-ông mãi! »

Sự-nghiep văn-chương của bà có giá-trị lắm. Những sách của bà viết ra, đều theo tư-tưởng phụ-nữ của bà hoài-bảo như những cuốn: Les droits de l'enfant, Eve dans l'humanité, Nos Principes et nos Mœurs. Cuốn sách « le Théâtre chez soi » cũng được hoan-ngheh lắm. Bà Maria Derains mất đã bốn mươi năm rồi; từ ấy nhân nay, chị em Pháp cũng đã bước được một bước khá dài trên con đường giải-phóng.

Phụ-nữ Pháp ngày nay vẫn chưa được hoàn toàn bình-dẳng với đàn-ông mặc dầu, nhưng trên con đường chức-nghiep, đã có chỗ chị em đứng ngang - hàng với đàn-ông rồi; hiện nay chị em đương cố vận động riết về một chánh-trị nữa mà thôi.

Nếu chị em không gặp mấy ông già ở Thượng-Ngự-Viện (Sénat) cản trở thì không kịp cũng chầy, chị em sẽ đạt được hy-vọng. Nghĩa là được đầu-phiếu, được ứng cử, và hơn đó sẽ lo giải-quyết xong vấn-đề xã-hội.

Nói đến ngày kỷ-niệm của bà Maria Derains vừa rồi ở Pháp mà chúng tôi lại sức nhớ đến một ngày kỷ-niệm khác ở Huê-kỳ, ngày kỷ-niệm ấy chị em Huê-kỳ lấy làm vinh hạnh lắm! Chính là ngày kỷ-niệm của bà Suzanne Anthony, sanh năm 1844, một người đầy yêu-ầu quyền « phụ-nữ đầu-phiếu (suffragette) » hăng-hái hơn ai hết. Cuộc vận-động phụ-nữ của bà Anthony lại không có tánh-chất ôn-hòa như kẻ khác. Chị em Huê-kỳ không chịu trả thuế, bởi vì việc lẽ rằng đàn-bà không có quyền đầu-phiếu; muốn cho chị em đong

Tác giả là ai ?

Phụ-nữ-Tân-Văn số xưa có đăng một Đoàn-thiên Tiểu-Thuyết lối mới đề là « Hai Trái Tim » Đoàn-thiên này được độc-giả hoan nghinh lắm, có nhiều bức thư gửi đến và nhiều bạn quen, hỏi tác giả là ai ?

Bên báo xin thú thật : cũng chưa biết ai là tác giả, vì đoàn thiên ấy là văn lai-cáo lại không ký tên.

Tiền dịp bên báo xin có lời cảm ơn tác giả đã gửi cho một bài văn có giá trị như thế và xin tác-giả nếu có thể cho biết được phương danh, chúng tôi lấy làm hân-hạnh lắm.
T. S.

DR TRẦN VĂN ĐỐC

Chuyên trị bệnh con nít

31, Rue Tabert

Góc đường Tabert và Aviateur Garros

— SAIGON —

HƯƠNG - GIANG THƯ - QUÁN

41, Rue Paul-Bert Hue

Chuyên bán, mua và đổi những sách cũ

Đại lý nhiều thứ báo tây nam, sách quốc văn, hàn văn, và pháp văn.

Đại lý nhiều thứ thuốc, trà danh tiếng.

Ở xa xin gửi thư thương lượng.

HƯƠNG GIANG THƯ QUAN

thuế, thì phải để cho họ dấu-phiếu đã.

Bà Maria Deraismes và bà Suzanne Anthony, tuy đã chết rồi, nhưng vẫn còn để lại một kỷ niệm thiết tha cho chị em Pháp, và chị em Huế kỹ ; vì chính hai bà ấy là người đã có công lớn dắt-dìu chị em lên con đường phụ-nữ giải phóng vậy.

TỔ-LIÊN

Thực - đơn của P. N. T. V.

Măng hộp (asperge) nấu cháo

- 1 hộp asperge.
- 1 con cua.
- 1 kilo sườn heo hoặc xương vụn.
- Cón-li-xi hay là 2 con khô mực.
- 2 xu bột bán nhỏ.
- 1 nắm gạo.

Cách làm :

Sườn heo rửa sạch rồi nấu nước sôi bỏ vào luộc, hớt bọt cho kỹ, để mực vô luộc và hớt bọt, chừng mực mềm rồi lấy rây lọc lấy nước.

Vắt gạo bỏ vào nước ấy nấu cháo cho nở như hột gạo.

Bột bán mua về phải rây cho xương cát bụi, rồi đổ ra đĩa bàn, ém cho bằng mặt, đoạn rây nước lên trên cho vừa xâm - xấp, để chừng 10 phút bột nở và rút hết nước sẽ lấy tay trộn nhẹ-nhẹ và xóc lên cho đều rồi để vô cháo.

Cua rửa vô cho sạch tách mai ra lấy sụn và gạch xanh, rồi úp lại đem luộc chín gỡ lấy thịt để sẵn.

Asperge cắt khúc lối 4 phân, chừng gần ăn hãy để cua vào, nêm nước mắm, tiêu xong rồi nhắc ra. Bảy giờ thì để asperge vào và lấy lửa sơ nhẹ kéo nạt ; nấu vừavừa, đừng nấu đặt mất ngon. Chừng ăn, đặt chén nhỏ hơn chén cơm, dùng cháo trước thế cho món súp.

Bánh thuẫn hấp

- 4 lượng bột mì.
- 4 lượng bột tâu.
- 10 lượng đường đã rây nhuyễn.
- 1 muón canh rượu trắng.
- 1 muón canh nước gừng.
- Nửa chén cơm nước lá dứa.

Cách làm :

Lấy vô trứng vịt lượng 2 vô nước lá dứa trộn với bột mì cho đều, trứng vịt đánh nổi với đường, kể đó bột mì đánh nổi, sau tới bột tâu tới nước gừng và rượu ; đánh chung mấy thứ trên đây cho thật nổi dậy. Bật nước sôi, rồi lót giấy bạch trong rổ, thứ rổ kèm bằng cái khuôn bánh thuẫn lớn mà hấp. Múc bột đổ vào chỉ miệng rổ, đừng đầy lắm, bánh hoảng quá, sẽ rớt tay.

Mme N. P. L. Saigon

PHÊ-BÌNH TƯ-TƯỞNG

THỜ CHỒNG NUÔI CON

Chị em ta ngày nay phải cần tìm một cái chơn-lý để thờ-phượng. Cái chơn-lý mà chị em chúng ta phải đeo-đuôi ngay bây giờ là cái mục-đích tạo nên xã-hội bình-dẳng, nhưn-đạo của trai và gái vậy. Vẫn biết rằng cái chơn-lý của chị em ta có tìm kiếm, không phải một ngày mà thành được, bởi vì « thành La-mã không phải một ngày mà làm nên ». Nhưng chị em ta cũng đừng vì cái lẽ không tìm ra chơn-lý được ngay, mà hờ-hững chần-chờ không chịu tìm chơn-lý.

Trong « mục phê-bình tư-tướng » của chúng tôi mở ra đây, mục-đích của chúng tôi là để phản-đối những lý-thuyết nào có hại cho sự tìm kiếm chơn-lý của chị em. Bất kỳ là ở báo chí nào, chúng tôi thấy được một tư-tướng nào mà chúng tôi cho là viết ra để nhồi sọ chị em và để bắt buộc, giam cầm chị em ở trong khuôn khổ chật hẹp của đạo-đức luân-lý xưa thì chúng tôi vội-vàng lôi ra trước tòa án dư-luận để buộc tội một cách chánh-dáng.

Chúng tôi xin thưa trước, nếu rủi chúng tôi phải buộc lòng đá-động tới một vài bạn đồng-nghiệp nào, thì cũng chỉ vì ở chỗ tư-tướng xung-đột mà thôi, chứ chúng tôi chẳng bao giờ chịu dùng ngòi viết phê-bình vào việc rửa hận cá-nhân cả.

H. T. D.

Trào-lưu thế - giới kích - thích tâm-não ta một cách mãnh-liệt, cho ta thấy rõ rằng hệ thuận theo trào - lưu ấy thì còn, mà nghịch theo trào-lưu ấy thì mất.

Trong lúc tàn - cự giao - thời, thì chị em ta thấy có một hàng người bị những tư - tưởng binh- vực chế - độ đương - thời tiếm-nhiệm vào đầu-óc một cách thâm căn cố đế, và muốn đem những tư tưởng trần - hủ ấy nhồi - sọ chị em, ngăn cản chị em trên con đường phấn đấu.

Số người ích - kỷ kia họ đem những thành kiến, hủ-lục mang cái lối lễ-giáo, tập quán rất tồi đẹp mà trói buộc chị em, mục-đích họ là không muốn cho chị em giải-thoát khỏi cái xiềng nô-lệ đã giam-hãm chị em ở trong một cảnh-ngộ đau đớn, ở trong một địa-vị bèn-kém như lâu nay vậy.

Nhưng được đâu ! Chúng tôi nói cho mấy người ích-kỹ ấy biết ; giống đàn-bà là một giống người gan dạ lắm ! Đức Chúa Trời bảo họ không ăn trái cấm, họ còn dám cãi lệnh Đức Chúa Trời thay ! Huống hồ là lệnh của một hàng người ích-kỹ ấy !

Cái quan-niệm phụ-nữ của hàng người này chủ-trương ra thế nào ?

Đàn-bà là một thứ nhược chất liêu-bỏ ; tạo-hóa sanh ra giống-cái là để làm máy đúc con, nghĩa là làm vật phụ thuộc cho đàn - ông, suốt đời phải chịu giam-hãm ở trong gia đình và không được léo-hành ra ngoài xã-hội.

Hàng người ích-kỹ kia họ cho rằng cái phận sự thiêng-liêng của một người phụ-nữ là ở trong chỗ « thờ-chồng, nuôi con » vì chỉ có « thờ chồng, nuôi con » mới là đúng với điều - kiện

nhược chất liêu bỏ, và cái lẽ tự nhiên của trời đất.

Than ôi ! Sống vào thế kỷ hai mươi này, là cái thế kỷ tốc-độ (Siècle de la Vitesse) mà sao những tư-tướng của số người kia lại không thấy tiến-hóa được chút nào cả ?

Cái tâm-lý vị-kỷ trên ấy, xem chừng như khắp Đông Tây gì cũng đều chung một. Không phải người Âu-Tây đã nói rằng : « Ba điều-kiện tối-yếu của một người đàn bà là lo việc bếp núc, thờ chồng và đi nhà thờ ! » đó chẳng ? Ngày nay Hitler, cái anh chàng độc-tài thiết-huyết ở nước Đức, cũng đương lo thiết-hành lời nói ấy, để đem phụ-nữ hiện đương phấn đấu ngoài xã-hội mà trả lại cho gia-đình ngày xưa. Đi ngược với lịch-trình tiến-hóa của xã-hội, anh chàng Hitler phải bị thất-bại cho mà coi ! Chúng tôi sẽ có dịp hân-học ở trong một phạm-vi khác.

Sao họ không chịu nhìn ngay sự thiệt ? Những tư-tướng ấy có còn thích-ứng với trạng-thái sanh-hoạt ngày nay nữa đâu. Ra phấn-đấu ngoài xã-hội là một điều-kiện bắt-buộc của vấn-đề sanh kế, chứ theo cái tâm-lý thông thường của đàn bà thì ít có ai ưa sự mệt nhọc, mà không ưa sự thanh-nhàn. Nếu đã vì sanh-tồn-quyền mà phấn-đấu ngoài xã hội thì chị em đâu có muốn « thờ chồng nuôi con » cũng không thể nào làm xong phận sự được.

Hàng người ích-kỹ kia nên suy-nghĩ lại một chút. Trường cái gì

CÔNG VIỆC CỦA PHỤ-NỮ VÀ Ý-KIỆN CỦA MỘT BẠN ĐỒNG-NGHIỆP PHÁP

Một tờ báo ở Pháp, vừa rồi, có viết một bài diễn, nói rằng trên một chuyến xe điện, có người đàn ông cầm bó laine mà làm áo con nít.

Công việc ấy, mấy lâu nay ai cũng đều cho là việc riêng của phụ-nữ. Nay thấy một lão «mày râu» làm việc ấy thì người trên xe-diễn thấy đều ngạc-nhiên, họ ngó nhau, chỉ chỗ anh chàng nọ mà cười râm lên.

Báo ấy lại nói rằng đây là một sự tiến-hóa... và viết rằng:

«Độc-giả có nhớ người đàn-bà đánh xe đầu hết «không? Có nhớ người đàn bà thầy thuốc, nữ-trang-« sư đầu hết không? Thì sự ấy có khác gì việc anh-« chàng thêu laine này đâu?»

Một tờ báo Pháp khác nhưng lại ở đây, trích đăng bài ấy và bình-phẩm rằng:

«Cái bài hài hước này, cũng như các bài hài-« hước khác mà ta ưa đọc, không có gì là chính «đáng cả.»

«Mỗi lần người ta phản-đối người đàn bà về việc «bỏ gia-đình ra làm ở ngoài là tại người đàn bà «ấy chiếm một địa-vị cao quý. Trái lại, từ thế-kỷ «thứ 19 cho đến ngày nay, vô số đàn bà, con nít,

«chôn thân trong các nhà máy, hàng dệt, hầm than «cho đến dãi hư phôi hư gan để kiếm mỗi ngày «một hai cắc bạc, thì không hề ai nói đến. Với sự «ấy thì người ta công-nhận một cách dễ-dàng lắm, «còn hề người đàn bà chiếm được cái địa-vị làm «khỏe lương nhiều thì người ta không thể chịu nổi.

«Cái quan-niệm lạ-lùng ấy hiện đang thịnh-hành «nhứt ở Đông-Dương là xử nhứt quyết buộc đàn «bà không được ra khỏi gia-đình: cái gia-đình «chồng chúa vợ tôi. Ở đây (Đông-Dương), người «đàn bà làm đủ cả công việc, coi sóc việc nhà, giặt «rửa, đi làm việc ngoài đồng. Ai cứ đi xem thử thì «sẽ thấy người đàn bà Annam, khom lưng dưới «ngọn nắng mà lo gặt lúa. Người Annam muốn «khuyến-kích người đàn bà làm công việc cực «nhọc ấy, đã đặt ra một câu tục-ngữ, tôi viết ra «đây để ai nghiệm thử:

«Mạ do tay người đàn bà gieo, thế nào cũng lên lúa tốt.»

Thật vậy, phái người phản-đối chỉ la lối lúc nào người đàn bà chiếm được địa-vị cao-sang, còn sự đau đớn, cực nhọc của phụ-nữ thì họ không buồn quan-tâm đến.

la-lùng, mới mẽ kia, chứ cái việc «thờ chồng nuôi con» thì mấy ngàn năm nay, từ khi xã-hội Việt-Nam thành-lập cho tới giờ, chị em đã đâm-đương lấy rồi! Đó là một lý-thuyết cũ-rích như trái đất! Vậy thì không cần gì ngày nay, nhờ có một phái người ấy đem lý-thuyết cũ-rích kia nhồi sọ nữa mới hiểu được cái nghĩa của nó.

Thờ chồng, nuôi con, chị em đã làm tròn phận-sự lắm; trong xã-hội này, chúng ta không thấy biết bao nhiêu gương mẹ hiền với vợ đức.

Chị em ở xứ nào kia mới ham nhảy dâm, xe hơi, pingpong, tennis v.v... Chớ chị em nhà ta như bà Tú-Xương đó, thì suốt đời chỉ biết dón gánh dè vai, buôn tảo bán lần để nuôi chồng ăn

học, dạy con kịp người.

Các ngài hãy so-sánh chị em nhà ta, với chị em nước khác, coi thử có thua sút chút nào không? Vậy các ngài đừng đem chuyện thờ chồng dạy con mà nói với chị em nữa, bởi vì chị em đã biết dư hơn các ngài nữa mà!

Chúng tôi sờ-dì đem một vài cái luận-chứng ấy ra là để cho người ta biết rằng chị em lâu nay đã nhận việc ấy làm phận-sự thiêng-liêng rồi.

Nhưng thuyết «thờ chồng, nuôi con» kia có còn thích-ứng với thời-đại này nữa không?

Chế-độ xã-hội đương-thời đã không còn thích-hiệp với quyền-lợi của chồng con chị em, và của chị em, thì cái việc tạo-thành một xã-hội tương-lai cho bình-đẳng, cho hơn-đạo lẽ nào lại bắt chị

em không được dự vào, để đứng riêng ra ngoài vòng tranh-đấu?

Cái văn-minh cơ-khí ở trên nền-móng tư-bản đã làm lung-lay gia-đình tận gốc; chúng ta hãy nhìn đến gia-đình của số đông hạng nghèo-khổ thì thấy rõ. Việc ra phấn-đấu ngoài xã-hội để tranh giành quyền sống là một điều-kiện không-thể-đừng; vấn-đề kinh-tế đã cướp mất hạnh-phúc gia-đình rồi, thì lý tự-nhiên thuyết «đàn bà chỉ biết thờ chồng, nuôi con» là không còn đứng-vững nổi. Nay giờ chúng tôi không cần phản-đối tới tiếng «thờ», bởi vì chúng tôi đã biết rõ cả cái thuyết nó con không đứng nổi, thì riêng một chữ ấy làm sao đứng nổi! «Thờ» là cái quái gì? «Thương» mà thôi, chớ sao lại «Thờ»? Hoàng-Tân-Dân.

Hoàng-Tân-Dân.



TÌNH - CẢM CỦA ĐÀN - BÀ THỜ - LỘ TRÊN NÉT CHỮ CÂU VĂN

Người ta nói rằng nước mắt đàn-bà là một mối tình-cảm. Cũng bởi vì cái thiên-tánh của đàn bà là yếu-đuôi, cho nên tình-cảm chiếm hết phần lý-trí. Bởi vậy, cái tình thương của đàn-bà đối với chồng-con, khi nào cũng xoắn-vó, mặn-nồng, thiết-tha, hăng-hái, mà không phải là lời-thối, lợi-lạt, chăm-rải, lừ-dừ như cái tình-thương của đàn ông. Nhưng đây tôi không muốn nói về bài học tâm-lý, tôi chỉ muốn nói đến tình-cảm của người đàn-bà lộ trên nét chữ, câu văn; cái tình-cảm ấy khi nào cũng phong-phù, và cũng đáng tôn-kính hơn cái tình-cảm chỉ bộc-lộ bằng ở hàng nước mắt.

Người đàn-bà lấy giọt lệ của mình để tỏ tình cảm thì chỉ có công hiệu lay-động trái tim người ta trong chốc lát, chớ biết dùng nét chữ câu văn để tỏ tình cảm thì có thể lay-chuyển tâm-trí người ta lâu dài. Tôi tưởng trong chỗ chị em ta, nhiều người cũng biết được tích «Tô-Huệ chửi cầm hồi-văn». Tô-Huệ là vợ của Đậu-Thao, đời nhà Tần, làm quan thứ-sử, nhưng đi thú ở phương xa, đã lâu không thấy về. Nàng Tô Huệ bèn làm một bài văn, thêu trong gấm, dâng lên cho nhà Vua. Nhờ bức hồi-văn thêu trên gấm ấy mà chồng là Đậu-Thao được về. Bài văn kia, ta có thể nói rằng làm bằng nước mắt hòa với máu, bày tỏ tình-cảnh đau-đớn ở trong phòng khuê của một người chinh-phu. Mỗi một chữ, chính là mỗi một khối-tình. Tôi xin chép bài dịch của một nhà nho học ở Huế là ông Châu - văn - Chuẩn ra đây. Cụ Nghè Vinh cũng có dịch bài ấy, nhưng tôi tưởng nên chép bài của ông Châu để đối-chiếu lại:

Vàng chiếu trời, phương xa đẹp giặc,
Đường bên cửa Hà-bắc đưa chàng.
Giả vui lặng mấy lời vàng,
Tưởng tình đi lợi, xin chàng chớ ngại,
Sao mà vắng biệt âm thơ?
Phòng xuân để thiếp bơ-thờ tương-tư.
Thềm quỳnh-giáo, dấu thừa rêu mọc,
Trường san-hồ bụi bực nệm chân.
Kính-hèn từ thuở đời còn,
Chốn nào xin gặp linh-nhơn mới đành!
Một niềm khăn bẻ gành bóng nguyệt,
Hoặc mấy ngàn cũng quyết từ ôa lòng.
Làm mấy gập mai mặt chồng,

Làm trăng vẫn-vợ soi cùng phương xa,
Trăng mây không kể gần xa.
Đâu ngàn muôn dặm, chồng ta gập thương,
Đường muôn dặm, quan-san trở cách.
Cầm lòng chàng làm khách phương xa,
Lúc đi lau môi vàng hoa,
Đâu ngờ mai trăng nở đã mấy phen!
Tin xuân nọ hoa chen tram về.
Xuân trêu người cận kẻ ai đâu.
Đương già có kẻ lợm thâu,
Hoa tàn, hoa rụng k'áp đầu lối đi.
Cổ sản gập xuân thì p'ơ-phời
Ôm đàn tranh bước lối họa-đường.
Giang-nam gậy khúc vì chồng,
Tình riêng ngõ gởi lời đường sắc-phương.
Sắc-phương nọ quan-san cách biệt,
Âm-thơ kia doan-tuyệt lâu nay,
Gối, gương luống những lụy đây,
Áo xiêm lễ sửa, hoa bay dệt dải.
Ngang sông lắng liếng ai hồng nhận,
Kẻ lợ-nhơn đoái-đoạn lúc giờ,
Ra đi dứt trước mấy đàn tơ,
Oán thì nên trước, khúc chờ nên sau.
Nặng tay non, chàng đầu nhớ thiếp,
Thiếp nhớ chàng muốn kiếp không khady.
Gấm thêu dâng lời Vua trời,
Xin ngài gập thả c'ông tôi sớm về.

Một bài văn như chồng, dệt nên gấm dâng vua, đọc tới thiệt là làm-ly, thiệt là bi-thiết, tôi tưởng cho ai đầu lòng cứng như đá «rồi cũng phải ngầu như tương!»

Bài hồi-văn của Tô-Huệ rất đúng với câu: «Lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu!»

Đó là chuyện «Tô-Huệ chửi cầm hồi-văn», đây lại một chuyện nàng Lưu-thị may áo lạnh gởi cho chồng là Diệp-chánh Phủ, ở Đông-đình phải lưu-lạc ở Trường-An lâu ngày.

May áo lạnh cho chồng lại kèm theo một bài thơ:

«Tình đồng Ngu-Nữ cách Thiên hà,
«Hưu hỹ thu lai đặc nhứt qua.
«Tuế tuế kỳ lang thân thượng phục,
«Ti ti thị thiếp thủ trung thoa.
«Tiền thanh tự giác hòa trường đoạn,
«Duyên cước na-năng để lệ đa.

PHU NU TAN VAN

- « Trường đoản chỉ y tiên khứ dạng,
- « Bất tri phí sấu cần như hà.

Bài ấy bà Lê thị Kiều Tàng đã dịch ra quốc-văn như vậy :

- « Khác chi ả Chử bên Ngân-hà,
- « Mừng hết thu rồi, thu lại qua.
- « Cái áo hàng năm chàng bán đó,
- « Sợi tơ thiệt của thiếp mần ra.
- « Đản do mũi kéo buồng gan xé.
- « Thừa nhất đường kim giọt lệ pha.
- « Dài vẫn cứ theo làm thước cũ,
- « Mập gầy đâu biết nỗi đường xa. »

Chồng đi ở ngoài ngàn dặm, vợ ở nhà may áo gởi ra, mà rồi lại có kèm theo những câu : « Nè chàng ! Thiếp ra công ngồi dệt hàng dệt may áo cho chàng ; tay thiếp cầm kéo cắt áo may chẳng khác gì cắt ruột vậy. Đường kim mũi chỉ, tuy là may dày mặc lâu, nhưng nó cũng chẳng dày bằng giọt lệ của thiếp nhờ khóc chàng đau. Khi cắt áo may cho chàng, thiếp chỉ biết nhâm chừng tâm thước hồi chàng ra đi, chớ từ ngày ấy đến nay, thiếp làm sao được biết chàng mập hay ốm ??? Than ôi ! Đau đớn biết bao nhiêu ! Tinh-tử biết bao nhiêu ! Đọc tới ai mà chẳng cảm, huống gì người chồng khi nhận được cái áo, rồi đọc lấy bức thơ ?

Chuyện một bực kỹ-nữ ở thành Kim-Lăng tên là Tề-cầm-Vân, khi tống-tiền một người tình bị tử-tội, đã làm nên một bài thơ rằng :

- « Nhứt áp xuân giao van lý tình,
 - « Đoan trường phương thảo, đoan trường oanh.
 - « Nguyễn tương song lệ đề vi vũ,
 - « Minh như lưu quân bất xuất thành. »
- Ông bạn Thư khanh đã dịch lại :
- « Một hợp rượu xuân tình van dậm,
 - « Oanh vàng cô lục, diễm lòng say.
 - « Xin gào xối lệ làm mưa lớn,
 - « Đề sáng lưu chàng ở lại đây !

Than ôi ! Muốn đem xuôi lệ làm mưa rửa đi sáng ngày có thể cầm chàng ở lại. Cái tình cảm của người đàn bà bộc lộ ở trên hàng chữ câu văn chẳng là có sức lay chuyển nhiều lòng người mới lần ta được thấy tới hay sao ?

Đến chuyện người đàn-bà họ Vương, ở Chiết-Giang, thủ tiết với chồng bị quân Mông-cổ bắt đã làm ra bài thơ như vậy :

- « Quân vương vô đạo thiếp đang tại,
- « Khi nữ phao nam trúc mã lai.
- « Phu diện bất tri hà nhật kiến,
- « Thiếp thân ưng thị kỹ thối hồi.

- « Lương hàng thanh lệ than tôn trịch,
- « Nhứt phiến sầu mi tỏa bất khai.
- « Hồi thủ cố sơn khan tiệm viên.
- « Tôn vong lưỡng tự thật ai tai »

Bài ấy dịch lại như sau này :

- « Vì nỗi oán-vương thiếp vạ lây,
- « Bỏ con theo giặc tới nơi này.
- « Chông xa cõi tục hồng đầu gập,
- « Thiếp lẫn bèo trôi biết mấy chầy.
- « Mắt nhắm đôi hàng tuông giọt lệ,
- « Mây cau hai nét ủ từng mây.
- « Trông về cố-quốc non sông cách,
- « Chết sống trời ơi, nghĩ thâm thay ! »

Ta đọc đến mấy giòng huyết-lệ ấy, ta không làm sao không nghĩ đến cảnh người đàn-bà họ Vương khi cần đầu móng tay làm mực để viết bài thơ ấy vào đá, rồi xấy mặt về hướng Nam, quẻ-quán chông, khóc lên một tiếng, trước khi nhảy xuống hố sâu.

Tình cảm người đàn bà đã có dịp lộ trên nét chữ câu văn là nào-nùng, ai-oán lắm.

Người đàn bà giàu nước mắt, mà đó chính là cái nguồn tình-cảm có thể lay-chuyển được trái tim người đời, nếu như giọt nước mắt ấy có thể chan-hòa trên tờ giấy trắng mực đen bằng câu văn nét chữ vậy.

Khách-sông-Hương.

Syphilis, blennorrhagie
Maladies de femmes
Maladies de peau

DR. TRẦN-TÂN-PHÁT
Ancien externe des Hôpitaux de Paris
Ancien assistant des dispensaires anti-blennorrhagiques de la L. P. S. à Paris
Médecin du dispensaire antivénérien de la Région Saigon Cholon

Chuyên trị các chứng bệnh, nhứt là bệnh phong tình và các chứng bệnh của đàn-bà
Giờ coi mạch : Sáng mai từ 10 tới 12
Chiều từ 2 tới 6 giờ.

PHÒNG KHÁM BỆNH :
Số 12 đường Colbert (trước cửa đình Toàn-quyền)

TIỂU-THUYẾT PHỤ-NỮ



ÒN MÁU BỒ RƠI

PHAN-HUÂN-CHƯƠNG

Một thầy lại nói :

— Biết rằng anh có lý, chúng tôi chịu. Song sao anh đã nói bát xướng đem gieo cái thói xấu cho phong tục ta, anh lại nói nó không dạy đời động ? Nó làm gương xấu cho thiên hạ bắt chước đặng, lẽ tất nhiên nó cũng làm gương tốt cho người ta bắt chước đặng chớ ?

— Cái bản-năng của mọi người là cái tánh « yêu » mình. Đủ là yêu mình, thì cái gì có sung sướng cho « mình » người ta ham làm lắm. Mà hề cái gì có lợi cho mình tất có hại cho kẻ khác, là kẻ bị mình lợi dụng cho cái sung sướng của mình : cái thói tục xấu nhiều là bởi đó. Trái lại, người ta sống phải quân tu. Trong cái sống quân tu ấy, muốn cho có cái hoàn cảnh tốt đẹp, mọi người phải nhường nhịn bớt cái sung sướng của một riêng mình cho cái tốt đẹp chung : cái thói tục tốt nhiều là bởi đó. Vậy cứ hay lẽ đó và theo cái bản-tánh của loài người, thì người ta đã có mấy người theo gương tốt ? Cho nên phần rất nhiều, và in như bầu hết con người chỉ vì mình mà bắt chước cái gương xấu thôi.

Nói tới đây, một người trong bọn la àt đi :

— Ủa, thôi chớ ! Bộ mấy anh ngồi lý đó đặng thuyết lý trừ bữa ăn sao ? Đợi chớ ! trời đã tối rồi.

Cả bọn đồng cười. Thầy Long lại nói :

— Anh không được sửa đổi một khoảng nào trong chương trình của bọn tôi đa, anh Du !

— Lẽ nào, Cảnh-Du nói. Song tôi nói trước.

— Gì nữa đó ? Bốn người đồng hỏi.

— Lối mười một giờ này tôi có việc riêng cần phải tách các anh một chút.

— Việc gì mà riêng ?

— Đủ là chuyện riêng, tôi không thể nói cho các anh nghe được, Cảnh-Du cười.

— Tôi biết rồi, thầy Long nói, anh hẹn hò với ai đây !

— Với ai ? Nói ma đa.

— Nói ma chớ. Sáng đời đi. Đêm nay không cho

người ta một ly tống tiền cũng hiệp cho người ta lắm.

— Từ giờ ai ? Ai tống tiền ? Anh này cho vô gánh bát V. H. B. làm hề, điệu khi hay làm chơi gì.

— Điều chớ ! Thế khi anh Hoàng quên có Trần rồi sao mà. Anh cho người ta đũa hết. Gần lọt thầy giáo « con » còn nói người ta không bay. Chúng tôi không như « thầy bói nói quàng » đâu.

Cả bọn rạp nhau vỗ tay cười ó.

— Cảnh-Du nói khóa-lép. Thôi đi !

Cả bọn đồng kéo nhau đi.

Taim giáo Nam ngó theo cười và nói : « Tạiệt rõ ràng một bầy ngừ quí ! »

XII

**ĐÊM ÁM CHỢT THÀNH DUYÊN DỒ LỚ.
GÂY NÊN TRƯỜNG HẠN MÃI KHÔNG THỜI**

Đêm vào khoảng mười một giờ kể cũng đã khuya ông thần « thái-bình » cũng đã hiện. Cái vẻ nào-nhiệt ôn-áo giữa chốn thị-thành đô-hội lần lần yên lặng. Thình thoảng lại nghe tiếng sanh lắc-cắc của chặc bàn mi khuya, hoặc có tiếng chuyện trò của một vài kẻ chơi đêm về trễ.

Giữa khoảng u-thanh điềm-tĩnh, bỗng rạo rạo có cái hơi tí-tê, ai-oán ấy rót vào tai, ai là kẻ hay cảm hay thương, hoặc buồn, hoặc rầu, cũng đủ lời nước mắt của người ta ra được lắm. Cái hơi nẻo ruột đó tức là tiếng đòn trong rạp hát lọt ra.

Trong rạp, bao nhiêu khách xem hát đều im hơi nín tiếng, chú-mục lên sân-khấu. Cái màn điện chính là màn Địch-thái-hậu xử Bàng-qui-phi.

Lớp dọn thật khéo : nào tranh lâu-dài lộng-lẫy, vẽ long-trụ uy-nghi ; nào bàn ghế lớp lang ; nào y-xiêm rực-rỡ. Nhưng nào có ai để ý đến mấy vật đó đâu. Vì con Bàng-qui-phi nuốt mất hồn khôn họ rạo.

Con Bàng-qui-phi bay thiệt ! Giọng ca của nó đã thanh-tạo sắc-sảo, bộ điệu lại vững vàng. Cái căng

PHU NU TAN VAN

Nó bước, cái tay nó dơ, cái miệng nó nói, con mắt nó liếc, mỗi mỗi cái cử-động của nó đều rút cả con mắt của khán-giả vào nó, như đá nam-châm rút sắt. Đến lúc nó cất tiếng kêu «Bệ hạ đi!...», thì thời! trên khán-đài, từ lớn chí nhỏ, từ già chí trẻ, từ đàn ông chí đàn bà đều xôn-xao dường như lộn nhào nghiêng-đổ. Cái khán-đài vừa mới như ngôi toàn là tượng sành, thì bỗng như rừng cây gió phất: kẻ cào đầu, người gãi má. Lớp kịch xem bị thất lạc.

Lúc cup, bao nhiêu khách xem hát đều khoai-trà cả. Bỗng nơi ghế hạng nhất, có một người đứng dậy. Hai ba người khác kéo người đó lại. Một người trong bọn nói:

— Lớp này hay quá, bõ đi đâu ưong vậy?

Người bị kéo trả lời:

— Tôi đã nói hồi chiều đó!

— Ấy, ngồi nán một chút nữa mà. Dữ không! Quí vợ hơn bạn à! Hi! Hi! Hi!....

Thầy họ dường như cực chẳng đã phải ngồi xuống. Chốc lát thầy ta kéo đồng hồ xem chừng, thầy quên coi hát.

Thình lình chuông đồng-hồ trên diễn-đài đổ mười

một tiếng rõ ràng thanh tao. Thầy họ vụt đứng dậy, vụt đi mau. Mấy thầy kia vội chụp theo vạt áo mà chụp hụt, bèn kêu nói với: « Mau nghe! Chúng tôi đợi đa! » Một tiếng «Ủy» trả lời, thì thầy họ đã ra ngoài rạp hát.

Người đó là ai? Hoàng-cánh-Du đó.

Cánh-Du bước nòn mà thầy coi sao cũng chẳng mau. Thầy lăm lăm như giông. Thình lình một chiếc ô-tô ù-ù đầu kia chạy lại (tên bên lề. Kèn xe bốp te-te; thầy giảo giật mình và thấy xe cận mình quá, nhẩy trái bên lề đứng nhìn cho chiếc xe qua. Chiếc xe qua ngang mặt. Dưới bóng đèn điện bên vệ đường và sau bóng đèn trên xe ánh chiếu lại, thầy dòm thấy rõ rõ trên xe hết. Thầy thấy những gì? Những gì mà rồi dường thầy bị phép định thân đứng sững sờ. Cái xe chạy quanh khuất dạng rồi, thầy nghe trong mình lạnh tanh, đấm mồ hôi cả châu thân, tay xuôi lơ, chơn như bị rút mất xương; đứng chẳng vững, thầy lụn về, rồi té quỵ xuống đất....

— Coi. Cánh-Du té. Thầy đã té thiệt rồi. Có chi thầy té vậy?

— Chiếc ô-tô đó là xe của quan-phủ đi chơi có lẽ, vì trên xe thầy thấy có quan phủ ngồi. Chớ phải

PHU NU TAN VAN

có một mình quan phủ ngồi không thôi thì ai có sao. Ngồi ngồi mà có ôm một người và hai má của hai người kề nhau. Như trên đã nói, nhờ cả hai cái ánh sáng của vừa bên lề đường, vừa đèn trên xe chiếu tỏ rõ. Cánh-Du thấy rõ ràng, thiệt rõ ràng, quan phủ ôm.... Kim-Phụng trong lòng, ôm một cách âu yếm hết sức.

Dường như bị máu xâm xâm, dường như cơn máu xâm qua khỏi, thầy giảo gương đứng dậy mà chưa vững, còn ngơ ngẩn. — « Cái gì vậy? Ta thấy? Hay là ta chóng mặt? » — Hồi vậy rồi Cánh-Du bán tin bán nghi. Thầy nhìn kỹ xuống cái đường thì rõ ràng dấu bánh xe còn để lại đó rõ ràng. Thầy thọc tay vô túi áo, dòm tới dòm lui, rồi dường như tự nảy giờ chẳng có xảy ra chuyện gì, thầy lăm lăm đi đến nơi kỳ bện. — « Không có nó đây, Cánh-Du nghĩ thầm. Hay là nó chưa tới? Hay là...! Không lý. Ta đợi một chút rồi thì biết. » Đợi, đợi mãi; nhưng rồi có thấy gì đâu. Lòng của Cánh-Du bây giờ như nước đá, còn trong đầu thầy như đốt pháo Tết. Không lý ngồi lý đó, thầy phải trở lại rạp hát. — « Gớm! Ồi cái nhơn tình! Cái nhơn tâm đâu mà tính quái đảo đẽ. Hay vậy tao

đấm thêm. Sá gì một chút hồng nhan khôn nạn mà thân niên trảng tượng phu ta phải đến tỵ! Thế thì cực máu trong bụng nó là con hai máu mà! — Kim-Phụng à! Cái này là tại mi đa nghe! » Tuy Cánh-Du biết nói vậy, song cái thầy biết tự nảy giờ nó thương lộn đến cái tánh ái-ký của thầy lắm. Bởi thương vậy nên hóa ra tức, mà hễ càng tức càng đau lòng. Cái khí giận lộn với máu ghen, thầy nghẹn ngào. Thầy muốn khóc, ngặt không tiếng. Đương ở giữa bầu thanh khí mà dường như bị nhốt trong lu, thầy thở không ra hơi. Ngần ngợ như ốc mượn hồn, thầy bước đi chẳng thiệt bước.

Khí trở lại rạp hát thì cũng vừa vẫn tưởng.

Thầy như Long nói bôn:

— Dữ không, tưởng là đặng vân lên cung trăng rồi quên về.

Cánh-Du gương cười:

— Ai đâu ngồi lì trong cái không khí ngột của rạp hát cho lâu nổi. Ra ngoài hứng gió có khoái không. Tuy không thiệt lên cung trăng chớ sướng cũng bằng hưởng được hơi á hằng.

— Chà, quí lắm. Thế nào là hơi á hằng hơi chủ cuộc? Hơi á có thơm đến té tái quên tên không? Cánh-Du cũng nói đùa cho khuấy lảng:

— Á vô tình lắm các anh ạ. Nên chỉ dầu thơm cũng hóa hơi, hay cũng hóa dỡ.

(còn nữa)

DOCTEUR

F. NG. V-NGUYỄN

Cựu Sanh-diện Đường-đường Paris

Chuyên trị các bệnh:

TRÁI TIM, BAO TỬ VÀ GAN,

Phòng khám bệnh:

81 ĐƯỜNG MAC-MAHON

Sớm mai: 7 tới 10 giờ

Chiều: 2 tới 4 giờ

N. B. — Những giờ khác, sẽ có tại nhà, 82 đường Lagrandière.

Hiệu rượu
RHUM
tốt nhất là
hiệu

Rhum Mana

Hãng **MAZET**

có trữ bán

ở đường

Paul Blanchy, số 20

SAIGON



Đồ Trang Điểm hiệu:

“TOKALON”

Cả toàn cầu đều nhận là tốt nhất

Crème Sáp **TOKALON**

Non grasse
Không có mỡ
Légèrement grasse
Ít mỡ
Grasse
Có mỡ

Poudre Phấn **TOKALON**

• Pétala
• Fascination
• Péro

Savon Xà-bong **TOKALON**

Dầu thơm Parfum **TOKALON**

Đại-ly Độc quyền trong Nam-kỳ và Cao miên
Maison G. RIETMANN
76 Rue Mac-Mahon, 76 — SAIGON

Các nhà buôn lớn ở khắp nơi đều có trữ bán

PHỤ-NỮ TÂN-VĂN

Tuần báo xuất bản ngày thứ năm

• Sáng lập tại Saigon năm 1929

DIỆN TÍN ĐỀ: PHUNUTANVAN SAIGON

GIÁ BÁO

Trọn năm 5\$00

Sáu tháng 2.80

Ba tháng 1.50

Một tháng 0.50

Mỗi số 0.10

Thư từ và mandat mua báo xin gửi cho:

M^{me} Nguyễn-dức-Nhuận, chủ nhân Phụ-nữ Tân-văn
65, Rue de Massiges — SAIGON

• MỤC-ĐÍCH PHỤ-NỮ TÂN-VĂN

Phổ thông tri thức và bình vực quyền lợi của phụ-nữ

ĐỜI CÔ ĐĂNG

(Tiếp theo số 234)

Nói thì nói chớ hai đứa nó hồi-hả lắm. Chúng nó chạy ra mở cửa.

Vừa thấy Nê-Niệt thì Mã-Lợi bước ngay lại nắm cổ, xô đẩy như cây bị bão :

— Ngu ! Đui ! Làm biếng ! Tao hễ cô mày mới vừa lòng tao mà !

Tại sao nó ra được, hả ? ... Nói mau đi, nói cho rành ; lão một chút tao đập bẻ sọ !

Nê-Niệt nhèo như con chó lạnh. Nó khóm-róm hết sức cho khỏi chọc thêm sự giận của người mà nó đã kiến là thầy, và rành rọt nói rõ-ràng tự-sự.

Song Mã-Lợi cũng chưa hết nóng ; va xô Nê-Niệt té nhủi rồi nhảy từ bốn nấc, bốn nấc mà lên thang lầu, đá một cái cửa mở bung ra.

Nê-Niệt không có lão.

Mã-Lợi xem xét mọi chỗ, từ cái song-sắt, sợi giây vải, đến mấy cái nút và cái khoen trong lò.

Va cũng nhẩn ba cái nút, xem xét hết sức kỹ-lưỡng. Đến khi thấy cái tráp đỏ của cô Đăng để trong lò thì Mã-Lợi sừng sờ.

Cái tráp bị mở ra rồi. Mã-Lợi thấy trong cái nệm bằng nhung đỏ còn in dấu cái chìa khóa thì rống lên, tức mình âm-ách.

Chìa khóa ấy, chắc mềm, dễ dùng mở kho báu vật. Đào Danh cũng nhận như thế.

Hai người lục soát cùng nơi dựng kiếm cái chìa; kiếm hoài chẳng thấy gì, mới hỏi Nê-Niệt. Gã cứ thật-thà nói rằng không hiểu hai ông chủ bảo đều chi.

Nó chẳng hề thấy cái chìa khóa đó lần nào trong phòng này ; còn cái tráp, vì nó bấn-loạn nên chưa gặp lần nào mà hông nghĩ nó rờ-rẫm đến.

Mã-Lợi Đào Danh kiếm nữa ; cái chìa qui-hóa ấy vẫn dấu mất.

Bây giờ chúng nó mới nghĩ về việc đào-lầu của cô Đăng ; cứ như đều ngó thấy thì dễ mà đó trúng những việc hành-dộng của cô ấy.

Chúng nó lại chắc rằng có cô đem cái chìa theo. Đặng làm gì ?

Đó là đều cần suy-nghiệm.

Có biết chỗ dấu báu vật chẳng ?

Có vậy có mới lấy cái chìa. Rồi thì con nhỏ sẽ lấy hết châu ngọc vàng bạc, sẽ trở nên giàu có nhưt trong đời.

Nghĩ đến đó Mã-Lợi Đào Danh sợ mất phần, rặng đánh cầm-cấp.

Mà cũng không chừng, có ta không biết chi về kho báu vật ấy, song tình-cờ tìm được món đồ cất kín, nghi là vật qui nên đem theo phòng sau có chuyện dùng.

Bán tin bán nghi, Mã-Lợi không hiểu bây giờ phải liệu thế nào. Va kéo Đào Danh xuống lầu, đi với chủ rờ ra ngoài, bộ suy-nghiệm lung lăm. Chúng nó đi về phía bờ biển.

Ngang qua lều của A-Lanh, chúng nó không thấy ông già, còn ông ta thì nằm dài trên ghế, ngậm ống điếu phì phà ngó lên trời xem mây tỏa, thấy cặp gian nhơn đi, bộ ưu-lự, thì ông ta liếc mắt mà cười một cách qui-quyệt.

Mã-Lợi Đào Danh đi đến cái hang vào dài. Cha vợ mới nói với chàng rờ như vậy :

— Nê, Đào Danh. Muốn biết con nhỏ có dùng cái chìa hay chưa, bọn ta cứ chun vào thăm thử. Không chừng nó còn ẩn trong này là khác. Hẳn thật thì may-mắn cho ta không biết sao mà nói : đã bắt được nó, lại có chìa khóa mà mở cửa lấy luôn báu vật cho rành.

Đào Danh rùng mình, bởi chưa quên cảnh rặc rối ngày nọ. Song anh ta không dám từ chối.

Chúng nó xem xét kỹ-càng lắm. Không có dấu chỉ chứng rằng có gái đá vào chốn này. Đã vậy, đi vào một đôi thì có vàng nhện giăng đầy. Ấy là cái bằng chứng chắc rằng ngổ này, trừ chúng nó, chưa có ai vào đến.

Mã-Lợi bèn nói :

— Con nhỏ chưa vô đây, chúng ta cứ an lòng. Nó không biết cách dùng cái chìa khóa, và tao nghĩ lại nó cũng không có cơ gì mà phải trốn trong này. Ra khỏi dài rồi thì nó cứ thông thả mà đi, có bị ai rượt theo đâu mà hông trốn ? Và lại, theo lời Nê-Niệt thì con nhỏ ra đi hôm nay đã ba ngày ; nếu nó biết trong dài có bạc vàng và biết cách dùng chìa khóa, thì nó đã trở lại mà tóm thâu hết rồi,

PHU NU TAN VAN

Đào-Danh khen phải. Đoàn hai người tháo ra mà trở vào dài.

Chúng nó hồi hai vợ chồng Nê-niệt sắm sửa về Ba-ri. Khóa cửa chắc-chắn rồi, nội bọn đồng lên xe Đục đường, mới tính qua tiền bạc.

Mã-Lợi nói :

— Theo lời giao hẹn, thì mỗi tháng tao cho vợ chồng bảy một ngàn quan. Tao đã cho bảy lãnh trước hết phần nữa. Bởi sự ngu si của bảy nên làm cho tao mất bạc triệu lạn, đáng lẽ tao không cho bảy thêm xu nào, bởi lúc này bảy không còn giúp việc cho tao nữa. Chẳng những tao không thiếu bảy mà tao lại có quyền đòi bảy đền bù.

Nê-Niệt ngay xương sống.

Lời nói chằm-rãi rành-rẻ của Mã-Lợi làm cho nó tưởng rằng nó hết trông mong được thêm đồng nào lại bị đòi mấy tấm giấy bạc của nó cắt rất trân-trọng trong túi là khác.

Chẳng dè Mã-Lợi mỉm cười mà tiếp rằng :

— Tao có hứa, bảy đi đây, số tiền tao chịu. Tao nhờ lời. Trong hai giờ sẽ tới Ba-ri. Nếu tao không bắt đền bảy, lại đem về đến chỗ, bảy nghĩ coi có vừa lòng bảy không ? Song một điều cần là bảy phải ngậm kín miệng về việc này, đầu thế nào cũng vậy.

« Nếu khi nào ta có việc nữa thì tao sẽ tin cậy ba đứa bảy luôn luôn. »

Nê-Niệt và Ni-Ni mới vừng lòng. Thôi thì lời hứa, cảm ơn, hứa sự trung-thành chẳng ngại.

Đến cổng thì phân tay nhau.

Mấy ngày sau, Mã-Lợi Đào-Danh cứ bán tính nhau về đều hai mà cô Đăng có thể làm ra cho chúng nó. Ban đầu chúng nó sợ lắm, giận lắm, lần lần, nghĩ suy đảo-đề chúng nó bớt lo.

Cô Đăng bất quá là đứa con nhà hoang !

Không thể nào có ra tranh giành gia tài, bởi tờ chúc-ngôn của Kiệt-Lư hiện nằm trong tủ sắt của Mã-Lợi.

Đàng khác nữa, cái biến-lai là món trọng hệ, mà cũng đã vào tay Mã-Lợi rồi.

Vậy thì cô Đăng đâu có kiện-cáo, có giấy tờ chỉ đúng phép để làm bằng cứ ? Thoảng cô có thừa về sự giam cầm phi-phép đi nữa, cũng không hại gì : không chứng cứ, không tang-tích ; và lại hôm cô bị bắt thì đã có nhiều người tin rằng Mã-Lợi Đào-Danh có mặt tại lễ du-hồ.

Công-ty
Forvil
và
Docteur Pierre
○○○○

Đủ thứ dầu thơm,
Phấn,
Savon rửa mặt,
Nước súc miệng,
Savon đánh răng.
Khắp nơi đều có bán lẻ.

ĐẠI-LÝ HỌC-QUYỀN :
INDOCHINE
IMPORT,
C. HUCHET
40-46 — Rue Pellerin — Saigon

RƯỢU
Quina Gentiane
là thứ rượu thiết
bổ, mùi nó thơm
tho, dịu dàng ai
cũng ưa thích.
Có bán ở các
tiệm rượu (épice-
rie) và trừ tại
Hàng MAZET
Số 20
đường Paul Blanchy
SAIGON



PHU NU TAN VAN

Cũng không thể kêu nại cho số cảnh-sát tâm-nã Nê-Niét và Ni-Ni, vì chúng nó lẩn-khuất trong chốn bần-nê, vô nghiệp nghệ, vô căn-cứ, để gì mà tâm được.

Trải qua một tuần lễ, Mã-Lợi Đào-Danh không nghe chi rúc-rịch về mưu gian của chúng nó.

Vậy không còn nghi-ngờ chi nữa : thứ nhất là cô Đàng đã chết bờ chết bụi, thứ nhì là cô Kỳ còn sống nhưng xét mình vô lực, phải trốn lánh nơi xa, không dám tưởng đến đều báo-oán.

HỒI THƯ BA.

Lòng từ - thiện.

Chúng ta đã thấy, cô Đàng mệt đã đuối sức, nằm ngủ quên tại bực thêm của một cái nhà cất theo lối nhà quê, trong một xóm kẻ-cạn châu-thành Vaug.

Mấy chị bán sữa, hối-hả đến chợ, không màng đến đứa nhỏ trắng mét nằm co trên đá lạnh.

Phương đồng đã hừng màu đỏ rạng, làm cho cái màn xa-cứ của võ trụ cũng sắc hồng. Bảy giờ nét

đã-dưới của cô thiếu-nữ lạc-loại càng thêm rõ-rệt.

Một người đàn-bà, thấy thắm cảnh kỳ bất động lòng, đứng chơn mà ngó. Người kêu giùm cô Đàng song cô lạnh ngắt, nằm trơ; người lấy làm sợ, vội vàng tránh xa, thẳm vãi Trời độ giùm linh hồn của kẻ chết một cách vất-vã.

Mấy người khác đi ngang dòm thấy đều nhón vai, bảo rằng kẻ thất-giáo lưu-linh, hơi đầu mà lo, dễ linh đánh thừ nó.

Đầu rằng cái nhà mà cô Đàng nằm nghỉ trước thêm đó hình như vô chủ, song chẳng phải là không người ở trong.

Thật sự chủ nhà kỳ là một ông già ở ẩn, chẳng thích rộn-rực, se-sua, không thích giao-thiệp, cho đến lân cận cũng không biết rõ ông ta cho lắm.

Ông già kỳ, tóc dài mới hoa râm, lỗ mũi nhỏ và ngay, râu cạo kỹ-lưỡng luôn luôn, chơn mày rậm, song con mắt bao giờ cũng không lộ vẻ tươi cười bình như không thấy cái đẹp ở thế-gian nữa.

(còn nữa)

Thơ-tín

Cùng các anh em quen biết, từ đây, anh em có gửi thơ từ gì cho tôi, thì hãy gửi ngay đến báo-quán Phụ-Nữ-Tân-Văn, tôi sẽ nhận được.

Hoàng-Tân-Dân

AI cứu hai đứa con Tây.

. được thưởng.

Ông Albert Monges ở số nhà 31 đường Vassoignes, gần chợ Tân-dịnh, có hai đứa con gái nhỏ. Hai đứa cứ đau hoài, làm rối cho ông lắm. Một tháng đau không biết mấy lần, cứ nóng lạnh và ho, hay khóc đêm, vì nó có gốc ban. Ông hết sức với con, chạy đủ phương mà không gặp thuốc. Có người điếm chỉ ông mua thuốc ban « Chi-linh-tán » về cho con ông uống thử. Ban đầu ông chế thuốc Annam không hay, nhưng cùng thế, ông cho uống càng uống ba ngày ba gói, ban lộ đầy mình, hết nóng lạnh, hết ho, mà gốc ban từ kỳ đến nay không còn tái-lại. Con ông hết, ông mừng lắm, và ông có tánh vui vẻ, ông thưởng 100 cho người điếm chỉ, và ông nói từ nay về con tôi đau ban, nóng lạnh, ho, thì tôi cứ cho uống « Chi-linh-tán » chứ không cho uống thuốc nào nữa, vì tôi biết thuốc « Chi-linh-tán » hay lắm.

Thuốc này có bán khắp cả Đông-Pháp, các ga xe điện, và các nhà buôn có bán. Ở xa muốn mua xin đi nơi Madame Nguyễn-thị-Kính, chợ-mới Saigon. Giá mỗi gói : 0\$10

Bau chớ nên uống thử thuốc lạ.
Hãy uống thuốc có danh mà thôi.
Còn nói không chắc thuốc hay.
Bau thà đừng uống thuốc.

VÔ-DÌNH-DÂN-DƯỢC-PHÒNG

(SÁNG LẬP NĂM 1921)

323 Rue des Marins Cholon

NIHALCHAND BROTHERS

Nhà hàng Bombay lớn nhất ở Saigon

Số 60, 62 đường Calinat

Chị em xa gần lâu nay đều tin cậy bốn hiệu, chúng tôi mua bán chơn thật và chọn rông hàng tốt, kỳ tàu nào cũng có hàng mới lạ luôn luôn.

Quý Bà, quý cô dầu khó tánh thế nào, khi đến cửa hàng của chúng tôi thì cũng sẽ được vira lòng đẹp ý vì :

Hàng thiệt tốt mà giá thiệt rẻ

VIỆT-NAM CÔNG-TY BẢO-HIỂM XE HƠI

Công-ty nặc danh vốn 200.000 đồng bạc

Hội-quán : 56, đường Pellerin, Saigon

Tên giấy thép :
ASSURANA

Giấy thép nói : 748

1^o Giá tiền bảo kê rẻ hơn các hãng khác và trả làm 4 kỳ được, mỗi kỳ một phần tư.

2^o Khi rùi ro bởi thương mau máng và lo đủ mọi việc, cho chủ xe khỏi nhọc lòng.

DẦU TỪ-BI hiệu Con Trĩ

Tên dầu Từ-Bi hiệu con Trĩ đã cầu chứng tại Tòa Saigon ngày 18 Decembre 1922 và đăng trong Quan-báo Paris 1923



Depose en 1922

Dầu Từ-Bi đã nổi danh, trong Nam, ngoài Bắc đều thông dụng và đều cho là một thứ dầu hay để nhứt.

Dầu Từ-Bi chủ trị về các chứng phong, mà như là con nít từ một hai tuổi sắp lên mười tuổi, hề chợp nó uống dầu Từ-Bi thì được luôn nằm mạnh khoẻ, đồ da thắm thít, trong mình mát mẽ ăn chơi, khỏi lo bệnh hoạn chi hết. Dùng dầu Từ-Bi mà trị bệnh kinh - phong, tê - thấp, phong nổi giề cùng mình, các thứ ghê, trặc tay chơn, hoặc đau nhức rêm cả thân thể, thì thấy công-hiệu như thần.

Con nít nhỏ ăn, bú không tiêu, hay sinh bụng no hơi, hoặc hay đau bụng, đau cam-tích, ho nóng. nếu dùng dầu này thì trảng chảnh chứng bệnh. thấy lành mạnh tức thì. Đản bà vì huyết không tốt, hay đau và hình vóc khô khan vàng mét, dùng dầu Từ-Bi, trị thì thấy sự hiệu-nghiệm lạ lùng, không thuốc nào hơn.

AI ai cũng đều khen dầu Từ-Bi hay vô cùng.

Thiệt là vật khinh bình trọng, xin quý khách lưu tâm thí-nghiệm một khi thì rõ.

Nhà nào có con hay eo uột, đau hoài không lớn, ăn chơi ít, thì nên dùng dầu Từ-Bi lắm.

Giá bán lẻ khắp nơi mỗi ve 0\$25

Quý vị ở xa xin mua nơi mấy nhà Đại-lý trên đây, còn ở Saigon, Cholon, Giadinh thì nơi mấy nhà buôn Annam, hiệu Nguyễn-thị-Kính và mấy hiệu Café Đức Thành-Hưng đều có bán.

Các nhà Đại-lý dầu Từ-Bi :

Bentre :	Văn-vũ-Văn
Rachgia :	Nguyễn-ngọc-Thái
Thudaumot :	Nguyễn-tân-Xương
Gocong :	Thái-ngọc-Bình
Baclieu :	Đinh-Song
Vinhlong :	Nguyễn-thành-Liêu
Chaudoc :	Công-nghĩa-Thành
Cantho :	An hà Ân-quán
Sadec :	Vô đình-Dinh
Mytho :	Hà-phẩm-Chất
Pnompenh :	Huỳnh-Tri, Rue Ohier
Saigon :	Thanh-Thanh, Rue Pellerin
Hue :	Quan-bái Thơ-quán
Tourane :	Lê-thừa-Ân
Hanoi :	Nam kỳ Thơ-quán
Haiphong :	Hiệu Nam-Tân

